

Phần 6.0:
Hướng dẫn việc gán mã vạch
Phụ lục

- 6.1 Lời giới thiệu
- 6.2 Các nguyên tắc chung về việc gán mã vạch
 - 6.2.1 Số kí tự mã vạch
 - 6.2.2 Môi trường quét
 - 6.2.3 Chiều
 - 6.2.3.1 Chiều in
 - 6.2.3.2 Thương phẩm với bề mặt cong
 - 6.2.3.3 Tránh các chướng ngại khi quét
- 6.3 Hướng dẫn chung về việc gán mã vạch đối với điếm bán lẻ
 - 6.3.1 Số kí tự mã vạch
 - 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm
 - 6.3.3 Gán mã vạch
 - 6.3.3.1 Vị trí khuyến nghị gán mã vạch
 - 6.3.3.2 Sự lựa chọn không mong muốn
 - 6.3.3.3 Quy tắc về rìa
 - 6.3.3.4 Tránh cắt bớt mã vạch
 - 6.3.3.5 Dán nhãn ở đáy
 - 6.3.3.6 Các trường hợp ngoại lệ đối với hướng dẫn chung về việc gán mã vạch
 - 6.3.3.7 Những cân nhắc đặc biệt về việc đóng gói đối với việc gán mã vạch
 - 6.3.3.8 Những xem xét trong việc gán mã vạch
 - 6.3.3.9 Đặt nhãn bảo đảm
- 6.4 Hướng dẫn việc gán mã vạch đối với các dạng bao gói đặc biệt

- 6.4.1 Túi
- 6.4.2 Bao gói dạng phòng
- 6.4.3 Chai và lọ
- 6.4.4 Hộp
- 6.4.5 Can và bao gói hình trụ
- 6.4.6 Các vật phẩm đặt đựng trên bìa cứng
- 6.4.7 Hộp bìa cứng đựng trứng
- 6.4.8 Bình có tay cầm
- 6.4.9 Vật phẩm to, nặng hoặc công kênh
- 6.4.10 Vật phẩm nhiều bao gói
- 6.4.11 Vật phẩm thuộc ngành xuất bản
- 6.4.12 Vật phẩm hay công-ten-nơ mỏng
- 6.4.13 Khay
- 6.4.14 Ống
- 6.4.15 Hũ
- 6.4.16 Thương phẩm không đóng gói
- 6.4.17 Nhóm các vật phẩm được gán mã vạch riêng
- 6.4.18 Dụng cụ thể thao
- 6.4.19 Bề mặt thô
- 6.5 Việc gán mã vạch lên quần áo và phụ kiện thời trang
- 6.6 Hướng dẫn định dạng chung cho quần áo và phụ kiện thời trang
 - 6.6.1 Khái niệm vùng thông tin
 - 6.6.1.1 Các vùng thông tin trên nhãn nói chung
 - 6.6.1.2 Hình dạng của nhãn nổi chung
 - 6.6.2 Nhãn treo

- 6.6.2.1 Các vùng thông tin trên nhãn treo
- 6.6.2.2 Các ví dụ về nhãn treo
- 6.6.3 Dạng nhãn để khâu trên sản phẩm
 - 6.6.3.1 Các vùng thông tin trên nhãn để khâu trên sản phẩm
 - 6.6.3.2 Các ví dụ về nhãn để khâu trên sản phẩm
- 6.6.4 Dạng nhãn để khâu vào sản phẩm
 - 6.6.4.1 Các vùng thông tin trên nhãn để khâu vào sản phẩm
- 6.6.5 Các hướng dẫn về vị trí của nhãn trên sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa
 - 6.6.5.1 Các vùng thông tin trên nhãn của sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa
 - 6.6.5.2 Các hướng dẫn về việc gán nhãn lên sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa
 - 6.6.5.3 Ví dụ về nhãn trên sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa
- 6.6.6 Các dạng nhãn trên sản phẩm đựng trong hộp
 - 6.6.6.1 Các vùng thông tin trên nhãn của sản phẩm đựng trong hộp
 - 6.6.6.2 Các đơn vị bán lẻ được đóng gói hay được để riêng
 - 6.6.6.3 Các hướng dẫn về việc gán nhãn lên sản phẩm đựng trong hộp
 - 6.6.6.4 Các ví dụ về nhãn trên sản phẩm đựng trong hộp
- 6.6.7 Dạng nhãn trên sản phẩm có đầu thắt giải buộc
 - 6.6.7.1 Các vùng thông tin trên nhãn của sản phẩm có đầu thắt dải buộc
- 6.7 Hướng dẫn chung về việc gán mã vạch đối với sự bố trí nói chung
 - 6.7.1 Nguyên tắc chung
 - 6.7.1.1 Việc gán mã vạch lên pa-lét
 - 6.7.1.2 Việc gán mã vạch lên thùng và kiện bên ngoài
 - 6.7.1.3 Vị trí mã vạch trên khay và kiện nông
 - 6.7.2 Khuyến nghị đối với mã vạch hai chiều
 - 6.7.3 Bổ sung vào mã

- 6.8 Nguyên tắc đo bao gói đối với việc xấp dữ liệu
 - 6.8.1 Phương pháp đo kích thước bao gói
 - 6.8.1.1 Hướng dẫn
 - 6.8.1.2 Kích thước theo hệ mét và hệ mẫu Anh
 - 6.8.1.3 Thương phẩm để tiêu dùng (bước sử dụng cuối cùng)
 - 6.8.1.3.1 Tóm tắt
 - 6.8.1.3.2 Việc xác định bề mặt phía trước mặc định của vật phẩm
 - 6.8.1.3.3 Việc xác định chiều cao, chiều rộng và chiều sâu
 - 6.8.1.3.4 Vật phẩm để cheo
 - 6.8.1.3.5 Việc đóng gói linh động với kẹp
 - 6.8.1.3.6 Việc đóng gói linh động không đánh dấu
 - 6.8.1.3.7 Vật phẩm hình trụ
 - 6.8.1.3.8 Vật phẩm nhiều gói
 - 6.8.1.4 Thương phẩm không để tiêu thụ
 - 6.8.1.4.1 Tóm tắt
 - 6.8.1.4.2 Xác định đáy
 - 6.8.1.4.3 Xác định chiều cao, chiều rộng và chiều sâu
- 6.A.1 Phụ lục 1: Nguyên tắc chung đối với các bề mặt cong

6.1 Lời giới thiệu

Phần này bao gồm các hướng dẫn về việc gán mã vạch lên bao gói và công-ten-nơ, đưa ra các nguyên tắc chung được áp dụng, các quy định bắt buộc và các khuyến nghị đối với việc gán mã vạch lên các dyyg bao gói và công-ten-yy đặc thù.

Tính thống nhất của việc gán mã vạch là điều quyết định đối với việc quét mã vạch được tốt. Với việc quét bằng tay, các cách gán mã vạch khác nhau sẽ gây khó khăn cho người điều khiển phương tiện quét khi dự đoán mã vạch được đặt ở đâu, và điều này sẽ làm giảm năng suất. Với việc quét tự động, mã vạch phải được đặt sao cho máy quét cố định đọc được mã vạch khi sản phẩm gán mã đó đi qua. Việc tuân theo hướng dẫn nêu ở phần này sẽ đạt được tính thống nhất và khả năng đoán trước vị trí của mã vạch cần có.

Các hướng dẫn trong qui định toàn cầu này thay thế các khuyến nghị địa phương trước đây; tuy nhiên, nhà sản xuất không phải loại bỏ các bao gói đã in theo hướng dẫn từ trước. Khi thiết kế lại bao gói, phải tuân theo các qui định kỹ thuật toàn cầu nêu trong tài liệu này.

Nếu các hướng dẫn điều chỉnh của chính phủ mâu thuẫn với các hướng dẫn nêu trong tài liệu này thì phải luôn ưu tiên các hướng dẫn của chính phủ.

Chú thích: Mã vạch làm ví dụ trong hướng dẫn này chỉ để nêu lên vị trí của nó và không nhằm để ám chỉ chủng loại, cỡ, màu hay chất lượng chính xác của mã vạch.

6.2 Các nguyên tắc chung về việc gán mã vạch

Các nguyên tắc chung dưới đây về việc gán mã vạch phải được cân nhắc đối với bất kì loại bao gói nào khi nó được quét tại điểm bán lẻ (POS) hay bất cứ đâu trong chuỗi cung ứng. Thương phẩm với mục đích để quét tại POS phải được gán mã vạch EAN-13, UPC-A, EAN-8 hoặc UPC-E. Mã vạch được quét tại nơi khác là EAN-13, UPC-A, ITF-14, và UCC/EAN-128.

Mã vạch EAN-8 và UPC-E nhằm để dùng trên thương phẩm rất nhỏ bán tại POS.

6.2.1 Số kí tự mã vạch

Mã vạch thể hiện các mã số thương phẩm toàn cầu (GTINs) khác nhau không bao giờ được nhìn thấy trên bất kì vật phẩm nào. Mặc dù yêu cầu con số tối thiểu là một mã vạch, khuyến nghị dùng hai mã vạch thể hiện cùng một GTIN trên các thương phẩm để quét trong nhà kho hay tại các môi trường quét phân phối chung (xem phần 6.7). Khuyến nghị dùng hai hay nhiều mã vạch thể hiện cùng một GTIN trên các thương phẩm nặng hoặc kênh càn tại POS (xem phần 6.4.9) và hai hay nhiều mã vạch thể hiện cùng một GTIN là chấp nhận được trên các gói hàng ngẫu nhiên tại POS (xem phần 6.3.3.6).

6.2.2 Môi trường quét

Trước khi xem xét loại bao gói, hay xác định liệu vật phẩm sẽ được quét tại POS hay tại môi trường quét phân phối chung. Nếu vật phẩm chỉ được quét tại POS thì áp dụng các hướng dẫn về việc gán

mã vạch nêu tại phần 6.4 và 6.5. Tuy nhiên, nếu vật phẩm được quét tại cả POS và môi trường quét phân phối chung hoặc chỉ tại môi trường quét phân phối chung thì cần nghiên cứu trước các yêu cầu nêu tại phần 6.7

6.2.3 Chiều

Xác định chiều mã vạch theo quá trình in và bất kì độ uốn cong này của vật phẩm. Nếu quá trình in và độ uốn cong cho phép, chiều mã vạch hình rào được ưu thích hơn hình bậc thang; nghĩa là, các vạch của mã phải vuông góc với mặt phẳng đáy của vật phẩm ở vị trí trung bày thông thường. Trường hợp chiều mã vạch hình rào, các kí tự người đọc được phía dưới mã phải được đọc từ trái sang phải. Phần kí tự và chiều của mã vạch hình bậc thang có thể được đọc hoặc là từ trên xuống, hoặc là từ dưới lên sao cho phù hợp với kí tự và đồ họa khác trên công-ten-nơ. Theo kinh nghiệm thì điều này không tạo ra sự khác biệt nào đối với quá trình quét một chiều hay quá trình quét khác. Phần 6.A.1 nêu các nguyên tắc đối với việc gán mã vạch lên các bề mặt cong.

Hình 6.2.3-1

Chiều hình hàng rào

Chiều hình bậc thang

6.2.3.1 Chiều in

Chiều in thường được xác định bởi quá trình in. Một vài quá trình in đem lại kết quả in chất lượng cao nếu mã vạch được in theo chiều in, chiều này còn được gọi là chiều web. Phải luôn tư vấn các công ty in.

6.2.3.2 Thương phẩm có bề mặt cong

Khi in mã vạch lên bề mặt cong, đôi khi các phần ngoài cùng của mã bị biến mất quanh chỗ cong, vì thế cả hai đầu của mã vạch máy đọc đều không thể nhìn thấy để quét cùng lúc được. Điều này sẽ hay xảy ra đối với trường hợp mã vạch thì lớn mà bề mặt cong của bao gói lại hẹp. Hiển nhiên sẽ có sự kết hợp giữa kích thước X và đường kính của bề mặt cong ở đó mã vạch phải được in quanh chỗ cong (ví dụ mã vạch chiều hình bậc thang trên đồ hộp, chiều hình rào trên gói bánh bích qui hình trụ). Hiệu quả của điều này là để đảm bảo rằng độ cong chỉ làm giảm một cách rõ rệt chiều cao mã chứ không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ mã.

Góc giữa đường tiếp tuyến từ điểm giữa của mã vạch cong và đường tiếp tuyến từ rìa mã vạch cong đó (lề ngoài cùng của vạch bảo vệ mã trong tổ hợp mã EAN/UPC) phải nhỏ hơn 30° . Nếu góc này lớn hơn 30° , mã phải được đặt sao cho vạch vuông góc với đường nền giả định của bề mặt vật phẩm. Xem phần 6.A.1.

Hình 6.2.3.2 - Khuyến nghị dùng mã vạch chiều hình bậc thang cho các bề mặt cong có đường kính nhỏ

6.2.3.3 Tránh các chướng ngại khi quét

Bất kì vật thể nào làm tối hay hỏng mã vạch sẽ làm giảm hiệu suất quét và phải tránh chúng đi. Ví dụ:

- Không bao giờ gán mã vạch lên vật phẩm tại vùng thiếu khoảng trống. Không để các đồ họa khác lấn vào vùng mã vạch.
- Không đặt mã vạch, bao gồm cả các khoảng trống, lên phần đục lỗ trên giấy, phần ren để xé, đường nối, chóp, chỗ quá cong, nếp gấp, phần gói nhau và phần xù xì.
- Không bao giờ dập ghim lên mã vạch hay phần khoảng trống.
- Không bao giờ gấp mã vạch quanh phần góc.
- Không bao giờ đặt mã vạch dưới nắp bao gói.

6.3 Hướng dẫn chung về việc gán mã vạch đối với điểm bán lẻ

Phần này đưa ra các hướng dẫn đối với việc gán mã vạch lên thương phẩm sẽ được quét tại điểm bán lẻ. Thông tin chi tiết về các loại bao gói đặc thù được nêu trong phần 6.4 và 6.5. Phần 6.7 nêu các hướng dẫn về việc đặt mã vạch lên các thương phẩm sẽ được quét trong nhà kho hay trong các môi trường quét phân phối nói chung.

6.3.1 Số kí tự mã vạch

Trên mỗi thương phẩm chỉ nên có một mã vạch dùng tại điểm bán lẻ. Các trường hợp ngoại lệ là các vật phẩm lớn, kênh cang (xem phần 6.4.9) và các vật phẩm ngẫu nhiên hoặc các bao gói chưa đăng kí (xem phần 6.3.3.6).

Thương phẩm không bao giờ được mang trên mình nhiều hơn một mã vạch thể hiện một mã số thương phẩm toàn cầu đơn (GTIN). Tại điểm bán lẻ, điều này có liên quan đặc biệt đến các vật phẩm có nhiều lớp bao gói, như các vật phẩm được bao kín, các vật phẩm có đầu thắt giải buộc, các vật phẩm mà từng đơn vị bên trong có GTIN khác với GTIN trên bao bì hay công ten nơ bên ngoài. Phải che khuất mã vạch trên các sản phẩm phía trong đi để không cho hệ thống quét tại điểm bán lẻ đọc được (xem phần 6.3.3.6 về các điều khoản cân nhắc đặc biệt cho các vật phẩm được bao kín).

6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm

Mặt trước của thương phẩm là vùng để quảng cáo/ kinh doanh là chủ yếu, điển hình là việc thể hiện tên sản phẩm và lô gô của công ty. Mặt sau của thương phẩm là phần đối diện trực tiếp với mặt trước và là vùng ưu tiên để gắn mã vạch đối với phần lớn các thương phẩm.

6.3.3 Gán mã vạch

Thông tin trong phần này được cung cấp để hướng dẫn việc gán mã vạch khi thiết kế bao bì cho sản phẩm mới và phải được chấp nhận nếu khả thi về mặt kinh tế khi thay các đồ họa trên các sản phẩm hiện có.

6.3.3.1 Vị trí khuyến nghị gán mã vạch

Vị trí khuyến nghị gán mã vạch là ở cung phần tư phía dưới bên phải mặt sau, có tôn trọng khoảng trống thích hợp quanh mã vạch và quy tắc về rìa (xem Quy tắc về rìa ở phần 6.3.3.3 và các điều khoản đặc biệt ở phần 6.3.3.7).

6.3.3.2 Sự lựa chọn không mong muốn

Vị trí gán mã vạch khác không mong muốn phải chọn là ở cung phần tư phía dưới bên phải bề mặt khác của công ten nơ.

6.3.3.3 Quy tắc về rìa

Khi có thể, mã vạch không được gần hơn 8 mm (0,3 inch) hoặc xa hơn 100 mm (4 inch) so với rìa gần nhất của bao gói/ công ten nơ. Các hướng dẫn trước đây đưa ra một khoảng cách nhỏ nhất là 5 mm (0,2 inch). Kinh nghiệm thực tế cho thấy điều này là không thích đáng. Ví dụ, người tính tiền thường cầm túi và thương phẩm khác với ngón tay cái của họ vào phần rìa. Phải tránh đặt mã vạch quá gần rìa. Việc đặt mã như vậy sẽ làm giảm tính hiệu quả tại điểm bán.

6.3.3.4 Tránh cắt bớt mã vạch

Cắt bớt mã vạch là việc làm giảm chiều cao của mã vạch tương ứng với chiều dài của nó. Không khuyến khích việc cắt bớt mã vạch vì sẽ làm hỏng khả năng quét mã theo mọi hướng tại điểm bán lẻ. Chỉ có thể quét mã vạch bị cắt bớt khi định hướng cho thương phẩm theo các chiều đặt thù khi cho thương phẩm đi qua tia quét. Vì thế, việc cắt bớt mã vạch sẽ làm giảm tính hiệu quả khi thanh toán. Chiều cao mã vạch càng bị cắt bớt thì càng khó quét khi đi qua tia quét. Phải tránh cắt bớt mã vạch trừ trường hợp thực sự cần thiết, ví dụ khi in mã trên bề mặt rất cong và khi đó phải in mã với chiều cao tối thiểu cho phép. Xem các quy định ở phần 6.A.1 về mối quan hệ giữa đường kính của vật thể và kích thước X.

6.3.3.5 Dán nhãn ở đáy

Có thể chấp nhận việc dán mã vạch vào đáy thương phẩm, ngoại trừ các thương phẩm lớn, công kênh. Tuy nhiên, việc dán mã vạch vào phần sau vẫn được ưu thích hơn.

6.3.3.6 Các trường hợp ngoại lệ đối với hướng dẫn chung về việc dán mã vạch

Một vài thương phẩm yêu cầu phải cân nhắc đặc biệt khi dán mã vạch.

- Các túi

Khi bao gói ở dạng túi, đồ chứa trong túi thường làm phình các phần rìa và lúc này cung phần tư phía dưới bên phải có thể không còn đủ phẳng để cho phép việc quét mã vạch được tốt nữa. Vì lý do này, phải dán mã vạch trên túi ở giữa cung phần ba phía trên mặt sau và càng xa rìa càng tốt khi tôn trọng quy tắc về rìa. (Xem phần 6.4.1 để biết thêm chi tiết về túi).

- Bao gói dạng phòng hay các vật phẩm không được đóng gói

Các thương phẩm ở dạng khiến máy quét đọc mã vạch phải nằm phía dưới mặt phẳng bao gồm các bao gói dạng phình và các thương phẩm không đóng gói (ví dụ như cái bát sâu). Đối với những dạng bao gói này, phải cân nhắc khoảng cách giữa cửa sổ máy quét và mã vạch trên công ten nơ hay vật phẩm. Mã vạch không được gần hơn 8 mm (0,3 inch) hay xa hơn 100 mm (4 inch) so với bất kỳ phần rìa nào trên gói/ công ten nơ. (Xem phần 6.4 để biết thêm chi tiết về các bao gói dạng phòng và các vật phẩm không đóng gói.)

- Các vật phẩm lớn, nặng hay công kênh

Bất kỳ bao gói/ công ten nơ nào có trọng lượng hơn 13 kg (28 lb.) hay có hai kích thước lớn hơn 450 mm (18 inch) (rộng/ dài, rộng/ sâu, hay cao/ sâu) được coi là vật phẩm lớn, nặng hay công kênh. Vật phẩm lớn, nặng hay công kênh có xu thế làm cho người lao động vất vả khi xử lý bằng tay. Các túi to yêu cầu hai mã vạch, một ở trên đỉnh và một ở đáy thuộc các góc đối diện trên túi. Các chai, hộp, can, bình, lọ và ống lớn, nặng hay công kênh chỉ yêu cầu một nhãn. (Xem phần 6.4 để biết thêm chi tiết về các vật phẩm lớn, nặng hay công kênh.)

- Các vật phẩm hay công ten nơ mỏng

Các vật phẩm hay công ten nơ mỏng là các bao gói/ công ten nơ có kích thước (cao, rộng hoặc sâu) nhỏ hơn 25 mm (1 inch). Ví dụ về vật phẩm hay công ten nơ mỏng là các bao gói pizza, hỗn hợp bột để uống và giấy viết. Bất kỳ mã vạch nào khi bị dán vào phần rìa đều cản trở tính hiệu

quả của việc quét bởi người tính tiền khi cầm vật phẩm sẽ che khuất mã và làm cho mã giống như bị cắt bớt đi. (Xem phần 6.4 để biết thêm chi tiết về các vật phẩm hay công ten nơ mỏng.)

6.3.3.7 Những cân nhắc đặc biệt về việc đóng gói đối với việc gán mã vạch

Các phương pháp đóng gói đặc biệt yêu cầu có sự cân nhắc đặc biệt về việc gán mã vạch.

- Gói bọc

Thương phẩm được bán với số lượng lớn sẽ được máy thu thập và bọc lại bằng một chất liệu đóng gói trong có in các ký tự. Các thương phẩm đặc thù được gói bọc là các hộp ngũ cốc và các thanh sô cô la nhỏ. Bao gói dạng này có thể gây ra hai vấn đề dễ thấy:

- Việc che mã vạch trên từng đơn vị riêng bên trong gói cùng lúc đựng nhiều vật phẩm là cần thiết để những mã này không lẫn lộn với mã vạch trên gói ngoài cùng, mã vạch trên gói ngoài cùng nhất thiết phải khác với mã bên trong.
- Việc gói bọc với những chất liệu như giấy bóng kính xenlôfan sẽ gây ra sự phản xạ của tia sáng từ máy quét và có thể làm giảm độ tương phản làm mất tính hiệu quả của việc quét.

Để xác định vị trí gán mã vạch phù hợp đối với các gói bọc, hãy tuân theo các hướng dẫn riêng cho loại/ bề mặt bao gói có thể áp dụng được. (Hãy xem phần 6.4 để biết thêm chi tiết về việc gán mã vạch đối với các loại bao gói riêng).

Hình 6.3.3.7-1

Gán mã vạch lên vật phẩm bị gói bọc lại

- Bao gói ngẫu nhiên (không đăng ký)

Một vài loại giấy gói, như loại dùng trên giấy ráp hay bơ thực vật, có kiểu thiết kế lặp lại và không bị cắt cũng như không bị đặt lên sản phẩm theo một thể mà phân thiết kế đặc thù của nó luôn xuất hiện ở cùng một vị trí. Đây được coi là việc bao gói ngẫu nhiên hay không đăng ký trước. Vì loại giấy gói này là không đăng ký, nên không thể xảy ra trường hợp có mã vạch xuất hiện trên một mặt của bao gói khi loại giấy gói này bọc lấy sản phẩm.

Kinh nghiệm cho thấy sự xuất hiện nhiều hơn một mã vạch trên một bao gói có thể có ảnh hưởng bất lợi đến năng suất quét, và quan trọng hơn là có thể dẫn đến việc đọc lặp lại. Vì lý do này, khuyến nghị sử dụng loại bao gói đã đăng ký. Nếu bắt buộc phải dùng loại bao gói ngẫu nhiên, yêu cầu tối thiểu là in mã vạch với tần số xuất hiện vừa đủ một mã vạch trên một mặt của bao gói.

Việc đọc lặp lại sẽ xảy ra thường xuyên hơn khi khoảng trống giữa các mã vạch là lớn hơn. Các mã vạch lặp lại không bao giờ được cách xa nhau hơn 150 mm (6 inch).

Cũng phải cân nhắc việc làm các vạch của mã dài ra để đảm bảo có một mã vạch đầy đủ trên một mặt, thay cho việc in lặp lại mã vạch đó.

Hình 6.3.3.7-2

Gán mã vạch lên vật phẩm có bao gói ngẫu nhiên

- Các bao gói có dạng màng/ chân không co lại

Mã vạch trên vật phẩm được đóng gói trong màng co hay được hút chân không phải được đặt trên bề mặt phẳng và tại vùng không bị gấp, nhăn hay méo mó. Xem hình 6.3.3.7-3 thể hiện điểm đặt mã vạch trên xúc xích. Vì độ cong của xúc xích lớn hơn đường kính chỉ ra trong phạm vi nêu ở phần 6.A.1, nên chọn mã vạch dạng hình bậc thang.

Để xác định điểm đặt mã vạch phù hợp cho loại bao gói dạng màng/ chân không co lại, hãy tuân thủ các hướng dẫn đặc thù cho loại/ hình bao gói khả thi. (Xem phần 6.4 để biết thêm chi tiết về điểm đặt mã vạch đối với các loại/ hình bao gói đặc thù.)

Hình 6.3.3.7-3

Gán mã vạch lên vật phẩm có dạng màng/ chân không co lại

- Nhãn dính

Mã vạch in trên nhãn dính áp dụng cho thương phẩm là một cách lựa chọn có thể được chấp nhận và hợp nhất mã vào đồ họa trên bao gói hiện có hoặc để dùng trên vật phẩm không được đóng gói, ví dụ như bình, chảo, bồn hình chảo và kính hình chảo. Loại nhãn dính phù hợp nhất là những loại không thể bóc ra khỏi vật thể mà không làm hỏng mã. Nhãn để dính trực tiếp vào sản phẩm phải sử dụng chất liệu có đủ độ dính để dính nhãn trong một khoảng thời gian kéo dài, nhưng cũng phải cho phép có thể bóc nhãn ra mà không cần dùng chất hòa tan hay chất mài mòn.

Để xác định điểm đặt mã vạch phù hợp lên vật phẩm được gán nhãn dính có mã vạch, hãy tuân thủ các hướng dẫn đặc thù cho loại/ hình bao gói khả thi. (Xem phần 6.4 để biết thêm chi tiết về điểm đặt mã vạch đối với các loại/ hình bao gói đặc thù.)

Hình 6.3.3.7-4

Gán mã vạch với nhãn dính

Hình 6.3.3.7-5 Các vật phẩm dạng bồn hình chảo sử dụng nhãn dính. Chất dính không được làm hỏng vật phẩm

6.3.3.8 Những điều cần xem xét trong việc gán mã vạch

Tốc độ, năng suất và sự có hiệu lực của các hoạt động quét là mục tiêu cuối cùng của việc gán mã vạch đúng. Để đảm bảo không làm hỏng việc quét, hãy xem xét các vấn đề sau trước khi quyết định lần cuối điểm đặt mã vạch:

- Xem xét vị trí của mã

So sánh bao gói/ công ten nơ của bạn với bao bì cho những sản phẩm giống thế để đảm bảo việc gán mã tương đương. Việc người thu ngân dễ dàng thấy mã để quét tính tiền trên sản phẩm này đến sản phẩm khác chủ yếu phụ thuộc vào việc gán mã phù hợp.

- Quét mô phỏng

Đưa mã chạy ngang qua máy quét bằng tay để kiểm tra điểm đặt mã ban đầu. Thử nghiệm này nhằm để xác nhận rằng điểm đặt mã vạch không bắt phải có các cử động gượng ép khi quét mã.

6.3.3.9 Đặt nhãn bảo đảm

Khi dùng nhãn bảo đảm, nhãn này nhằm để cho con người nhìn thấy, điểm đặt được ưa dùng hơn là nằm trong phạm vi đường kính 75 mm (3 in.) của điểm đặt mã vạch. Việc đặt nhãn bảo đảm một cách phù hợp sẽ làm cho người điều khiển máy móc dễ dàng tìm thấy điểm đặt nhãn bảo đảm và vì thế sẽ cải thiện tính hiệu quả.

6.4 Hướng dẫn việc gán mã vạch đối với các dạng bao gói đặc biệt

Các hướng dẫn về việc gán mã vạch dưới đây được áp dụng cho các dạng bao gói đặc biệt. Phần 6.5 đề cập đến các biểu đồ minh họa việc gán mã vạch cho quần áo và các phụ kiện thời trang. Bảng 6.4-1, Tham khảo loại bao gói, mô tả các danh mục bao gói và sản phẩm chính. Có thể dùng hình này để xác định chính xác điểm đặt mã vạch trên sản phẩm hoặc trên bao gói. Ví dụ, tùy thuộc vào hình dáng mà một túi hình bao đựng hạt hoa có kích thước 50mm (2 in.) và 75 mm (3 in.) được phân loại là một vật thể hoặc một công ten nơ mỏng. Ví dụ đã nêu về loại bao gói như thế chính là bao đựng hỗn hợp đồ uống dạng bột sấy khô. Tùy thuộc vào cột thứ nhất trong bảng 6.4.1, Tham khảo loại bao gói, có thể gán mã vạch chính xác cho loại bao gói này bằng cách nghiên cứu phần 6.4.12.

Bảng 6.4-1

Bảng tham khảo loại bao gói

| Phần | Loại bao gói | Các đặc tính của bao gói | Các ví dụ về sản phẩm |
|-------------|-------------------------------------|---|---|
| 6.4.1 | Bao, túi | Các đơn vị được gói kín thành hình trụ hay thành hình có góc tròn | Khoai tây chiên, bột, đường, hạt làm thức ăn cho chim |
| 6.4.2 | Bao gói dạng phòng | Mặt sau có dạng bìa cứng phẳng để đựng sản phẩm và có túi ni-lôn trong phủ phòng lên sản phẩm | Đồ chơi, các phần cứng |
| 6.4.3 | Chai và lọ | Lọ có miệng nhỏ hoặc to với nắp có thể tháo ra | Nước sốt thịt, thạch |
| 6.4.4 | Hộp | Giấy cứng gắn xi hoặc bìa các tông cứng gập lại | Ngũ cốc, xà phòng |
| 6.4.5 | Hộp thiếc và hộp hình trụ | Các đơn vị hình trụ có các đầu được bịt kín | Xúp, đồ uống, pho mát, bánh bích qui |
| 6.4.6 | Các vật phẩm đặt dựng trên bìa cứng | Các vật phẩm có khung đỡ hay được gắn vào tường trên các thẻ phẳng | Các vật thể dạng mỏng, gói kẹo, đồ dùng nấu ăn |
| 6.4.7 | Hộp bìa cứng dựng trứng | Khối sáu mặt không đều bằng nhựa hoặc bột giấy đã được nặn với nắp có khớp nối | Trứng |
| 6.4.8 | Bình có tay cầm | Bình bằng nhựa hoặc bằng thủy tinh với (các) nắp có thể tháo ra và với (các) cán được gắn vào | Máy lau dọn nhà, dầu ăn |
| 6.4.9 | Vật thể to, nặng hoặc cồng kềnh | Các vật thể có đường kính tự nhiên là 450 mm (18 in.) hay lớn hơn theo bất kỳ một trong hai chiều và/ hoặc có trọng lượng lớn hơn 13 kg (28 lbs). | Thức ăn cho vật nuôi trong nhà, đồ đạc không lắp ráp được, búa tạ |
| 6.4.10 | Vật phẩm nhiều bao gói | Nhiều vật phẩm được liên kết lại bằng máy để tạo thành một gói đồ | Các can đựng đồ uống không cồn |

| | | | |
|--------|---|--|--|
| 6.4.11 | Các vật phẩm thuộc ngành xuất bản | Phương tiện bằng giấy để in được kết lại, ghim dập lại hoặc gập lại | Sách, tạp chí, báo, báo khổ nhỏ |
| 6.4.12 | Các vật phẩm hay công-ten-nơ mỏng | Các vật phẩm hay công-ten-nơ có một chiều nhỏ hơn 25 mm (1 in.) | Hộp pizza, hộp đựng trang sức, gói đồ uống không cồn hỗn hợp dạng bột, giấy viết |
| 6.4.13 | Khay | Sản phẩm mỏng, được tạo ra để giữ các đồ đựng trong đó và có màng bao bọc | Thịt đã chế biến, bánh ngọt, bữa ăn nhanh, bánh patê, vỏ bánh patê |
| 6.4.14 | Ống | Xylanh nhồi chắc hàng được đóng kín cả hai đầu, hoặc được đóng kín một đầu còn đầu kia có nắp hay có van | Ống thuốc đánh răng, xúc xích, xăm (thuyền, tàu) |
| 6.4.15 | Hũ | Hũ sâu có nắp có thể tháo ra | Dấm, bơ, kem, trứng quấy |
| 6.4.16 | Thương phẩm không được đóng gói | Thương phẩm không được đóng gói, thường có dạng lạ và khó dán nhãn cũng như khó quét | Chảo rán, bát các cỡ, nồi nấu và đồ lưu niệm |
| 6.4.17 | Bộ (Nhóm các vật phẩm được gán mã vạch riêng) | Thương phẩm có thể bán riêng hoặc như là một phần của một bộ được bỏ vào hộp | Bàn và đồ lưu niệm |
| 6.4.18 | Dụng cụ thể thao | Các vật phẩm không được đóng gói có kích cỡ và hình dáng đặc biệt | Cái vợt, bàn trượt tuyết, ván trượt |

6.4.1 Bao, túi

Mặc dù loại này được coi là “bao, túi” nhưng những công-ten-nơ/ bao bì này thường được gọi là bao hay túi nhỏ. Loại này bao gồm các công-ten-nơ bằng giấy hay bằng nhựa như:

- Được gập kín cả hai đầu (ví dụ bột và đường)
- Được gập kín một đầu và đầu kia được kẹp kín (ví dụ khoai tây chiên)

- Được kẹp kín cả hai đầu (ví dụ thuốc nước giảm ho)
- Được gập kín một đầu và đầu kia được buộc lại (ví dụ bánh mì)

Chú thích: Một vài túi được gắn kín cả hai đầu và được làm cho phẳng để trưng bày, như gói kẹo. Những loại vật phẩm này không được xem là túi mà thuộc loại vật phẩm dẹt hình quân bài (Xem phần 6.4.6 để biết thêm chi tiết về các vật phẩm dẹt đựng trên bìa cứng)

- Đặc điểm bao gói: Là các đơn vị được gập lại có góc tròn hay có hình trụ được đóng kín
- Đặc tính duy nhất: Bao, túi có khuynh hướng đựng những thứ có hình dạng thay đổi và hay phồng ra. Do đó phải gán mã vạch tại vùng nào đó của bao, túi có thể giữ trạng thái phẳng nhất
- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)
 - Điểm đặt ưu tiên: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt sau, cách xa rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, cách xa rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Quy tắc phần rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.1-1

Gán mã vạch lên bao, túi

6.4.2 Bao gói dạng phồng

Bao gói dạng phồng bằng nhựa được thiết kế từ trước cho phồng ra hoặc nổi phồng lên để đựng sản phẩm và có mặt sau hoặc mặt trên là bìa cứng.

- Đặc điểm bao gói: Bìa cứng phẳng làm mặt sau và có phần nhựa trong suốt phồng phủ lên sản phẩm
- Đặc tính duy nhất: Để đảm bảo chất lượng quét, phải gán mã vạch cách xa phần rìa của chỗ phồng lên. Tránh đặt mã vạch phía dưới phần bao phồng lên hoặc đặt mã vạch lên bất kì chỗ nào dạng lỗ châm kim ở mặt sau của bao gói.
- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)

- Điểm đặt ưu tiên: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt sau, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
- Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
- Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.2-1

Gán mã vạch lên bao gói dạng phồng

6.4.3 Chai và lọ

Chai và lọ thường mang nhãn có kích thước nhỏ áp dụng cho vùng diện tích hạn chế của bao gói, không phủ trùm toàn bộ bề mặt hay bao bọc toàn bộ đường kính của chúng.

- Đặc điểm bao gói: Là các công-ten-nơ có miệng nhỏ hoặc to được gắn kín với nắp có thể tháo ra
- Đặc tính duy nhất: Không cho phép gán mã vạch lên cổ chai. Việc gán mã vạch lên cổ chai đòi hỏi phải có xử lý thủ công bổ sung tại điểm bán lẻ, và sự giới hạn về khoảng trống tại vùng này của chai thường khiến phải cắt bớt mã vạch.

Khi in mã vạch lên vùng bị cong, đôi khi có thể không nhìn thấy một trong hai đầu mã vạch xung quanh vùng bị cong. Xem Phần 6.A.1 để biết các quy tắc về mối quan hệ giữa đường kính của vật thể và kích thước X.

- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)
 - Điểm đặt ưu tiên: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt sau, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.3-1

Gán mã vạch lên chai và lọ

6.4.4 Hộp

Loại bao gói này gồm hộp bằng bìa giấy hay bằng nhựa hình trụ hoặc hình khối, cũng như là các ống bọc hình chữ nhật (dùng cho các sản phẩm như bóng đèn). Những bao gói này có thể dùng để đựng bất kì thứ gì từ bánh qui hay ngũ cốc đến bột giặt.

- Đặc điểm bao gói: Là giấy cứng được gấp và đóng kín lại hoặc là bìa các tông dạng quân bài được gấp nếp.
- Đặc tính duy nhất: Không có đặc tính riêng nào cho loại bao gói này.
- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)
 - Điểm đặt ưu tiên: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt sau, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Quy tắc phần rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.4-1

Gán mã vạch lên hộp

6.4.5 Can và bao gói hình trụ

Loại này gồm các công ten nơ hình trụ (thường bằng nhựa hay kim loại) được gấp nếp ở mỗi góc. Một vài công ten nơ có nắp có thể tháo ra hay mở được. Các ví dụ thông dụng là các hộp thiếc đựng hoa quả hay rau, sơn và keo dính.

- Đặc điểm bao gói: Các đơn vị hình trụ được gấp nếp ở mỗi góc.
- Đặc tính duy nhất: Nên tránh các chương ngại như lỗ thủng, nếp gấp, và/ hoặc vết gợn trên bao gói/ công ten nơ, vì chúng sẽ làm giảm hiệu suất quét.

Khi in mã vạch lên bề mặt cong, đôi khi các phần ngoài cùng của mã bị biến mất quanh chỗ cong. Xem Phần 6.A.1 để biết các quy tắc về mối quan hệ giữa đường kính của vật phẩm và kích thước X.

- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)

- Điểm đặt ưu tiên: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt sau, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
- Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
- Quy tắc phần rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.5-1

Gán mã vạch lên can và bao gói hình trụ

6.4.6 Các vật phẩm dẹt dựng trên bìa cứng

Các vật phẩm nhỏ, lỏng lẻo hoặc không được đóng gói khó dán nhãn được đặt trên các bìa cứng hình quân bài có gán mã vạch. Ví dụ như búa, đồ chơi và đồ dùng trong bếp.

- Đặc điểm bao gói: Các vật phẩm được đóng khung hay dán lên các bìa cứng hình quân bài.
- Đặc tính duy nhất: Khi gán mã vạch lên các vật phẩm dẹt hình quân bài, điều quan trọng là phải cân nhắc trạng thái gần kề của mã vạch đối với vật phẩm. Chắc chắn là sẽ để khoảng trống thích hợp cho mã vạch, tránh bất kì sự cản trở nào có thể xuất hiện do gán mã vạch quá gần sản phẩm. Hơn nữa, không gán mã vạch lên bất kì lỗ châm kim hay vật gây trở ngại nào trên bao gói.
- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)
 - Điểm đặt ưu tiên: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt sau, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Quy tắc phần rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.6-1

Gán mã vạch lên các vật phẩm dẹt dựng trên bìa cứng

6.4.7 Hộp bìa cứng dựng trứng

Bột giấy nhào đã được nặn, bột biển hoặc bìa các tông cứng dựng trứng bằng nhựa ở phía trong y theo số lượng trứng được chứa.

- Đặc điểm bao gói: Là khối sáu mặt có hình dáng không đều bằng nhựa hoặc bằng bột giấy nhão đã được nặn với nắp có khớp nối.
- Đặc tính duy nhất: Khuyến nghị gán mã vạch lên một phần chia trên mặt nắp của hộp bì cứng đựng trứng, nắp này có thể mở ra và đóng lại che đậy cho trứng bên trong. Tránh gán mã vạch lên phần đáy đã được nặn của hộp bì cứng đựng trứng vì nó có bề mặt không nhẵn.
- Gán mã vạch: Để xác định điểm gán mã vạch lên hộp bì cứng đựng trứng, đầu tiên hãy phân định phần trên của hộp các tông bằng cách xác định vùng dành cho thương mại/ quảng cáo là chính, vùng này được đánh dấu bởi tên sản phẩm và lô gô của công ty. Phần đáy của hộp bì cứng đựng trứng là vùng đã được nặn để đựng trứng và đối diện trực tiếp với phần trên. Các bên được chia ra theo chiều ngang bởi khớp nối nắp. Mặt trước của hộp bì cứng đựng trứng là bên có bộ phận đóng/ mở. Mặt sau của hộp bì cứng đựng trứng là phần đối diện trực tiếp với mặt trước, cùng bên với khớp nối.
 - Điểm đặt ưu tiên: Gần rìa, vào nửa phải mặt sau, phía trên khớp nối nắp, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trên, trên nắp gần kề bộ phận đóng/ mở, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.7-1

Gán mã vạch lên hộp bì cứng đựng trứng

6.4.8 Bình có tay cầm

Bình có tay cầm là công tenơ bằng kính hoặc bằng nhựa được gắn (các) tay cầm để trợ giúp quá trình đổ các chất đựng trong bình ra. Bình có tay cầm thường áp dụng nhãn dính để định rõ các vùng của bao gói, nhãn này không bao phủ toàn bộ bề mặt của thương phẩm hoặc quán quanh toàn bộ chu vi của thương phẩm.

- Đặc điểm bao gói: Là bình bằng kính hoặc bằng nhựa được gắn các tay cầm và có nắp có thể mở.
- Đặc tính duy nhất: Không cho phép gán mã vạch lên cổ bình. Việc gán mã vạch lên cổ bình đòi hỏi phải có sự xử lý bổ sung bằng tay tại điểm bán lẻ và sự hạn chế về diện tích nơi cổ bình thường làm mã vạch bị cắt bớt.

Khi in mã vạch lên bề mặt cong, đôi khi các phần ngoài cùng của mã bị biến mất quanh chỗ cong. Xem Phần 6.A.1 để biết các qui tắc về mối quan hệ giữa đường kính của vật phẩm và kích thước X.

- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)
 - Điểm đặt ưu tiên: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt sau, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Qui tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.8-1

Gán mã vạch lên bình có tay cầm

6.4.9 Vật phẩm to, nặng hoặc cồng kềnh

Vật phẩm to, nặng hoặc cồng kềnh ở bất kì loại nào đều khó xử lý bằng tay và khó quét, vì thế có nhiều hướng dẫn khác nhau về việc gán mã vạch.

- Đặc điểm bao gói: Là các vật phẩm được coi là to, nặng hoặc cồng kềnh với một kích thước tự nhiên là 450 mm (18 in) hay lớn hơn theo bất kì hai chiều nào (rộng/ cao, hoặc cao/ sâu, và (hoặc) nặng hơn 13 kg (28 lbs)).
- Đặc tính duy nhất:
 - Số mã vạch: Đối với các bao gói to hoặc nặng, phải dùng hai mã vạch, một ở phần trên mặt trước và một ở phần dưới mặt sau tại góc phần tư đối diện. Đối với các hộp, chai lọ, can, bình có tay cầm, ống và các vật phẩm không bao gói, chỉ cần dùng một mã vạch
 - Nhãn đặc biệt: Có thể áp dụng một nhãn đôi đặc biệt với một mã vạch có thể xé ra cho các vật phẩm to, nặng hay cồng kềnh quá mức để có thể nhét lên và đi qua máy quét cố định. Nhãn này có một phần gắn cố định vào hộp đựng vật phẩm (hoặc vào nhãn treo hay thẻ nếu vật phẩm không được đóng hộp). Phần này có mã số thể hiện cho người đọc và phần mô tả vật phẩm được in đầy phía trên mã vạch. Phía dưới hàng lỗ châm kim, phần thứ hai bao gồm thông tin giống hết cho người đọc và một

mã vạch cỡ thực giống hệt. Hai phần này trông giống hệt nhau ngoại trừ phần phía dưới có mặt sau không bị dính.

Hình 6.4.9-1

Ví dụ làm rõ về nhãn đối với mã UPC có thể xé ra ra

Khi bê vật phẩm đến điểm bán lẻ, phần nửa dưới của nhãn phía dưới hàng lỗ châm kim sẽ bị xé ra. Người tính tiền sẽ hoặc là quét nhãn, hoặc trong trường hợp không quét được nhãn, người tính tiền sẽ nhập vào máy thông đọc được bằng mắt phía dưới mã vạch. Phần nhãn còn lại phía trên được gắn vào vật phẩm hoặc hộp đựng nó.

Trong các trường hợp trưng bày và bán vật phẩm to, nặng hay công kênh ngay bên trong công ten nơ vận chuyển nó, khuyến nghị dùng phần thứ ba của nhãn. Phía dưới phần nhãn có thể xé ra, phải bổ sung một hàng lỗ châm kim thứ hai và một phần diện tích có chiều cao 12 mm (0.5 in) được gắn cố định. Điều này làm cho phần mã vạch có thể xé ra được an toàn hơn, ngăn ngừa trường hợp nó có thể bị xé ra trong quá trình vận chuyển.

- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)
 - Điểm đặt ưu tiên:
 - Đối với túi: Cần hai mã vạch, một ở mặt trước của túi, tại phần trên thuộc góc phần tư bên phải phía trên, gần rìa và một mã vạch khác ở mặt sau túi, tại phần giữa thuộc góc phần tư bên phải phía dưới, gần rìa (để có thể đảm bảo độ phẳng của mã khi túi có đựng đồ bên trong).
 - Đối với các hộp, chai lọ, can, bình có tay cầm, ống và các vật phẩm không bao gói: Những vật phẩm này áp dụng các hướng dẫn về gán mã vạch cho vật phẩm có kích thước nhỏ (Xem mục phù hợp thuộc Phần 6.4 về Hướng dẫn việc gán mã vạch đối với các dạng bao gói đặc biệt.)

Hình 6.4.9-2

Gán mã vạch lên các bình, can, bình có tay cầm hoặc ống to, nặng hoặc công kênh

- Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
- Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

6.4.10 Vật phẩm nhiều bao gói

Vật phẩm nhiều bao gói và các vật phẩm riêng lẻ được đóng gói lại với nhau thành một đơn vị hay thành một thương phẩm. Vật phẩm nhiều bao gói tạo thuận lợi cho người tiêu dùng và/ hoặc có thể rẻ hơn so với mua các vật phẩm riêng lẻ. Vật phẩm nhiều bao gói điển hình như các chai lọ, can, bình và ống.

- Đặc điểm bao gói: Nhiều vật phẩm riêng lẻ được liên kết lại với nhau để tạo thành một bao gói.
- Đặc tính duy nhất: Theo nguyên tắc chung, phải dán mã vạch lên tất cả các bao gói để tiêu dùng khi bán qua chuỗi cung ứng. Kết quả là, các vật phẩm được bán ở dạng nhiều gói cũng như các vật phẩm này được bán ở dạng riêng lẻ đều phải có một mã vạch đơn nhất cho mỗi dạng bao gói hay mỗi tập hợp bao gói khác nhau để tiêu dùng. Để tránh nhầm lẫn tại điểm bán lẻ, chỉ có mã vạch trên vật phẩm nhiều bao gói là được để lộ ra khi cả vật phẩm nhiều bao gói và các vật phẩm riêng đều dán mã vạch. Phần bao của vật phẩm nhiều bao gói có ảnh hưởng như là màn chắn che mã vạch trên các vật phẩm riêng lẻ bên trong.
- Chú ý đặc biệt: Tránh dán mã vạch lên mặt trên hoặc mặt dưới của công ten nơ như chỉ ra ở hình 6.4.10.1, vì các can bên trong có khuynh hướng gây ảnh hưởng lên bao bằng bìa cứng đã được gấp nếp và bóp méo mã vạch, làm giảm khả năng quét.
- Dán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)
 - Điểm đặt ưu tiên: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt sau, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.10-1

Gán mã vạch lên vật phẩm nhiều bao gói

6.4.11 Vật phẩm thuộc ngành xuất bản

Các vật phẩm thuộc ngành xuất bản thể hiện các tài liệu đã được in và được bán riêng lẻ cho khách hàng bao gồm sách, tạp chí, báo và báo khổ nhỏ. Việc gắn mã vạch lên các vật phẩm thuộc ngành xuất bản là khác nhau tùy thuộc vào từng loại.

- Đặc điểm bao gói: Phương tiện bằng giấy để in được kết lại, ghim dập lại hoặc gập lại.
- Đặc tính duy nhất: ngoài mã vạch thông thường ra, một vài vật phẩm thuộc ngành xuất bản còn có mã vạch bổ sung mang thông tin phụ như mã phát hành. Việc gắn mã vạch lên các vật phẩm thuộc ngành xuất bản là khác nhau tùy thuộc vào từng loại. Nếu sử dụng mã vạch bổ sung thì phải in nó bên phải và song song với mã vạch chính.
- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào.)
 - Điểm đặt ưu tiên:
 - Đối với sách: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt sau, gần gáy, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch

Hình 6.4.11-1

- Đối với tạp chí: Vào góc phần tư phía dưới bên trái mặt trước, gần gáy, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch

Hình 6.4.11-2

- Đối với báo: Khi báo được thể hiện để bán như chỉ ra ở bên trái hình 6.4.11-3, đặt mã vạch vào góc phần tư phía dưới bên trái, mặt trước, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch. Nếu dùng mã bổ sung, phải đặt mã này bên phải và song song với mã chính.

Hình 6.4.11-3

Khi báo được thể hiện để bán như chỉ ra ở bên trái hình 6.4.11-4, đặt mã vạch vào góc phần tư phía dưới bên phải, mặt sau, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch. Nếu dùng mã bổ sung, phải đặt mã này bên phải và song song với mã chính.

Hình 6.4.11-4

- Cách chọn khác không mong muốn: Đối với loại bao gói này, cách chọn khác không mong muốn là không khả thi.
- Quy tắc phần rìa: Xem Phần 6.3.3.3

6.4.12 Các vật phẩm hay công ten nơ mỏng

Loại bao gói nêu trên được đặt cùng tên với các vật phẩm hay công ten nơ trong ca ta lô này có một chiều tự nhiên nhỏ hơn 25 mm (1 in.). Đối với những vật phẩm như thế, những vật phẩm thường không có bề mặt đáy đáng kể, phải gắn mã vạch vào góc phần tư phía dưới, bên phải, mặt sau. Ví dụ như hộp pizza, hộp đĩa com pác, các bao đồ uống hỗn hợp dạng bột và các tệp giấy viết.

- Đặc điểm bao gói: Là các vật phẩm hay công ten nơ có một chiều nhỏ hơn 25 mm.
- Đặc tính duy nhất: Loại bao gói này không có đặc tính duy nhất.
- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)
 - Điểm đặt ưu tiên: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt sau, gắn rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, gắn rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Quy tắc phần rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.12-1

Gán mã vạch lên các vật phẩm hay công ten nơ mỏng

Hình 6.4.12-2

Các vật phẩm không được đóng gói và không có chỗ để gắn mã ở đáy

6.4.13 Khay

Loại bao gói này bao gồm các khay mỏng hình vuông, hình chữ nhật hoặc hình tròn để giữ các vật phẩm có màn phủ dạng màng co trong suốt hoặc để giữ các vật phẩm được hút chân không rồi gắn kín lại. Ví dụ như thịt, bánh ngọt, bữa ăn nhẹ, giò hoặc vỏ bánh nướng.

- Đặc điểm bao gói: Là đồ đựng dạng phẳng để đựng sản phẩm có màn phủ.

- Đặc tính duy nhất: Khi gán mã vạch lên khay, điều quan trọng là phải đảm bảo gán mã lên vùng phẳng. Ngoài ra, không gán mã lên bất kì chỗ nào có lỗ châm kim hoặc các vùng gây khó quét khác trên bao bì.
- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)
 - Điểm đặt ưu tiên: Vào góc dưới, bên phải, mặt trên, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.12-1

Gán mã vạch lên khay

6.4.14 Ống

Là các vật phẩm hoặc công ten nơ có dạng xylanh hoặc được đóng kín cả hai đầu, như xúc xích hay bột nhào đông lạnh, hoặc được đóng kín một đầu còn đầu kia có nắp hay có van, như thuốc đánh răng hay xăm (thuyền, tàu).

- Đặc điểm bao gói: Là các xylanh nhồi chắc hàng được đóng kín cả hai đầu, hoặc được đóng kín một đầu còn đầu kia có nắp hay có van.
- Đặc tính duy nhất: Khi in mã vạch lên vùng bị cong, đôi khi có thể không nhìn thấy một trong hai đầu mã vạch xung quanh vùng bị cong. Xem Phần 6.A.1 để biết các qui tắc về mối quan hệ giữa đường kính của vật thể và kích thước X.
- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)
 - Điểm đặt ưu tiên: Vào góc phần tư phía dưới, bên phải, mặt sau, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.14-1

Gán mã vạch lên ống

6.4.15 Hũ

Hũ là các công ten nơ tròn (thường được làm bằng giấy, nhựa hoặc kim loại) có nắp có thể tháo ra. Trong phần lớn các trường hợp, hũ có nhãn dính không che toàn bộ bề mặt của công ten nơ. Ví dụ như dấm, bơ, kem và bánh kem.

- Đặc điểm bao gói: Là các chậu sâu có nắp có thể tháo ra.
- Đặc tính duy nhất: Khi in mã vạch lên bề mặt cong, đôi khi các phần ngoài cùng của mã bị biến mất quanh chỗ cong. Xem Phần 6.A.1 để biết các qui tắc về mối quan hệ giữa đường kính của vật phẩm và kích thước X.
- Gán mã vạch: Xác định mặt trước của bao gói/ công-ten-nơ. (Xem Phần 6.3.2 Xác định mặt sau của thương phẩm để biết hướng dẫn về cách xác định mặt trước như thế nào)
 - Điểm đặt ưu tiên: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt sau, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Cách chọn khác không mong muốn: Vào góc phần tư phía dưới bên phải mặt trước, gần rìa, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
 - Qui tắc phần rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.15-1

Gán mã vạch lên hũ

6.4.16 Thương phẩm không được đóng gói

Là các vật phẩm hình vuông, chữ nhật, tròn, hình lòng chảo hoặc lồi như bát, nồi, chảo, xoong, chén, bình và các sản phẩm khác (có đựng hay không đựng vật chứa) không có bề mặt ở tư thế đứng thẳng phù hợp để gán mã vạch.

- Đặc điểm bao gói: Là các vật phẩm không được bao gói và được bán với nhãn dính, nhãn treo hay nhãn trên bao cứng dạng quân bài .
- Đặc tính duy nhất: Khi chọn chỗ để gán mã vạch, hãy cân nhắc mặt trong bề mặt hình lòng chảo của sản phẩm hoặc chỗ cong khác thường phía ngoài sao cho có thể tôn trọng được khoảng trống để quét như định nghĩa trong qui tắc phần rìa dưới đây.
- Đối với vật phẩm dạng bàn và quà tặng, hướng dẫn chung là dùng nhãn treo. Điều này sẽ tránh được mọi hư hại cho vật phẩm có thể gây ra do keo dính của nhãn dính. Nếu điều này

là không thực tiễn, phải dán nhãn dính vào phần đáy vật phẩm và ở dưới tem phía sau (nếu có).

- Gán mã vạch: Việc gán mã vạch lên vật phẩm không được bao gói tùy thuộc vào bề mặt và loại vật phẩm. Các ví dụ dưới đây sẽ làm rõ việc gán mã vạch phù hợp cho các loại vật phẩm đặc thù.
 - Điểm đặt ưu tiên: Các hình dưới đây sẽ chỉ rõ vị trí gán mã có thể chấp nhận được đối với các vật phẩm có hình dáng khác.

Hình 6.4.16-1 Trường hợp 1

Hình 6.4.16-2 Trường hợp 2

Hình 6.4.16-3 Trường hợp 3

Hình 6.4.16-4 Trường hợp 4

Hình 6.4.16-5 Trường hợp 5: Quà tặng dùng nhãn treo

Hình 6.4.16-6 Trường hợp 6: Bộ đồ ăn sử dụng nhãn dính ở dưới tem phía sau

- Cách chọn khác không mong muốn: Không áp dụng cách chọn khác không mong muốn
- Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

6.4.17 Bộ (Nhóm các thương phẩm được gán mã vạch riêng)

Vì mục đích mã hoá thành vạch, bộ được định nghĩa là hai hay nhiều vật phẩm đã được đóng gói và được bán cùng nhau như một đơn vị, không tính đến trường hợp những vật phẩm này cũng có thể được bán tách riêng ra. Nếu các vật phẩm được đóng gói cùng với nhau vì mục đích vận chuyển chứ không nhằm để bán như một đơn vị riêng, chúng không được coi là bộ. Ví dụ về bộ như một đôi giá đỡ nệm, một bộ 4 bát đựng súp và một bộ 5 ghế ngồi ăn tối.

Nếu không có mục đích bán một bộ như là các thành phần riêng rẽ, chỉ cần mã hóa bao gói đựng bộ đó.

Hình 6.4.17-1: Ví dụ về một bộ có các đơn vị thành phần riêng không được bán lẻ

Nếu một bộ được làm thành từ các thành phần có thể được đặt hàng như các thương phẩm riêng, thì phải mã hóa các thành phần này của bộ. Nếu một bộ vừa có thể tách các thành phần ra để bán riêng, vừa có thể để bán như là một bộ, thì phải mã hóa cả bao gói đựng bộ và các thành phần trong đó

bằng các mã đơn nhất. Phải che khuất hoàn toàn các mã vạch trên các sản phẩm phía trong để máy quét tại điểm bán lẻ không đọc phải khi bán các sản phẩm này theo bộ.

Hình 6.4.17-2: Ví dụ về bộ nhiều thành phần được bán theo bộ và theo từng phần lẻ

Nếu một vật phẩm được làm từ nhiều thành phần không bán lẻ được như âm trà có nắp, thì chỉ gán duy nhất một mã vào thành phần chính. Những vật phẩm như vậy không được coi là bộ.

Hình 6.4.17-3: Vật phẩm gồm nhiều thành phần không bán lẻ được
(những vật phẩm này không được coi là bộ)

6.4.18 Dụng cụ thể thao

Dụng cụ thể thao là ví dụ điển hình về danh mục hàng được tạo thành từ nhiều mặt hàng có hình dáng và kích cỡ bất qui tắc. Tuy nhiên, việc hiểu được từng loại sản phẩm, những bước hậu cần liên quan trong chuỗi cung ứng và việc bày hàng nơi bán là chìa khóa để cải tiến năng suất nói chung. Điều đặc biệt quan trọng là phải gán mã vạch lên dụng cụ thể thao như thế nào cho phù hợp với việc trưng bày chúng nơi bán lẻ. Điều này sẽ tạo thuận lợi cho người điều hành tại điểm bán lẻ dự đoán chính xác điểm gán mã vạch và vì thế cải thiện năng suất.

Những ví dụ tuy chưa nêu hết mọi khía cạnh dưới đây sẽ đưa ra các nguyên tắc chung có thể áp dụng cho các loại sản phẩm tương tự.

- Cung tên, mũi tên
 - Điểm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đóng gói trong hộp, xem phần 6.4.4
 - Nếu được đóng gói và dùng nhãn treo, xem phần 6.6.2
 - Quy tắc phần rìa: Xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-1: Ví dụ về điểm gán mã vạch trên cung tên

- Bóng, dụng cụ thể thao theo đội
 - Điểm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đóng gói riêng rẽ, gán mã lên vỏ ngoài
 - Nếu được đóng gói trong hộp hay thành bộ, xem Phần 6.4.17 và 6.5, hộp giày. Nếu không sử dụng SKU chủ cho một bộ bóng đóng hộp hay một bộ giày và bóng đóng hộp, thì phải gán mã vạch được che khuất lên mỗi loại sản phẩm trong bộ được đóng hộp đó.

- Nếu không đóng gói, gán mã vạch trên mặt đối diện với lô gô của quả bóng.
- Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.4.17 và 6.5, hộp giày.

Hình 6.4.18-2: Ví dụ về điểm gán mã vạch lên hộp bóng và lên từng quả bóng

- Gậy/ vợt, bộ thể thao

- Điểm đặt ưu tiên: Trên tang tay cầm của gậy/ vợt, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch.
- Quy tắc phân rìa: xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-3: Ví dụ về điểm gán mã vạch trên gậy bóng chày

- Xe đạp

- Điểm đặt ưu tiên: Trên phuộc xe tay cầm bên phải, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
- Cách chọn khác không mong muốn: Trên nhãn treo quanh dây phanh tay phải, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch
- Quy tắc phân rìa: xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-4: Ví dụ về điểm gán mã vạch trên xe đạp

- Dụng cụ leo núi

- Điểm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đóng gói trong hộp, xem Phần 6.4.4
 - Nếu được đóng gói và dùng nhãn treo, xem Phần 6.6.2
 - Nếu được đóng gói như là vật phẩm dẹt trên bìa cứng, xem Phần 6.4.6
- Quy tắc phân rìa: xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-4: Ví dụ về điểm gán mã vạch trên dụng cụ leo núi

- Cần câu:

- Điểm đặt ưu tiên: Trên phần chuôi của cần câu gần chỗ đuôi được gán xi, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch. Khi in mã vạch lên vùng bị cong, đôi khi có thể không nhìn thấy một trong hai đầu mã vạch xung quanh vùng bị cong.

Xem Phần 6.A.1 để biết các qui tắc về mối quan hệ giữa đường kính của vật thể và kích thước X.

- Cách chọn khác không mong muốn: Dùng nhãn treo hay nhãn trên bao cứng dạng quân bài trên cán của cần câu, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch.
- Qui tắc phân rìa: xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-6: Ví dụ về điểm gán mã vạch trên cần câu

- Bộ luyện tập giữ phom người
 - Điểm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đóng gói trong hộp, xem Phần 6.4.4
 - Nếu được đóng gói và dùng nhãn treo, xem Phần 6.6.2
 - Nếu được đóng gói như là vật phẩm dẹt trên bìa cứng, xem Phần 6.4.6
 - Qui tắc phân rìa: xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-7: Ví dụ về điểm gán mã vạch lên hộp đựng bộ luyện tập giữ phom người

- Găng tay, găng đấu quyền anh
 - Điểm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đóng gói trong hộp, xem Phần 6.4.4
 - Nếu được đóng gói và dùng nhãn treo, xem Phần 6.6.2
 - Nếu được đóng gói trong túi, xem Phần 6.4.1
 - Nếu không đóng gói, xem Phần 6.6.4
 - Qui tắc phân rìa: xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-7: Ví dụ về điểm gán mã vạch lên găng tay

- Gậy đánh gôn:
 - Điểm đặt ưu tiên: Trên cán gần phần đầu của gậy, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch. Khi in mã vạch lên vùng bị cong, đôi khi có thể không nhìn thấy một trong hai đầu mã vạch xung quanh vùng bị cong. Xem Phần 6.A.1 để biết các qui tắc về mối quan hệ giữa đường kính của vật thể và kích thước X. Không được

gán mã vạch lên đầu gậy vì khi mã được gán ở vùng phẳng này (thường ưu tiên gán mã vạch lên vùng cong), sẽ dễ bị phá hủy từ các lần rơi của khách hàng.

- Cách chọn khác không mong muốn: Trên chuôi gần chỗ đuôi được gán xi, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch.
- Quy tắc phân rìa: xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-7: Ví dụ về điểm gán mã vạch lên gậy đánh gôn

- Súng

- Điểm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đóng gói và dùng nhãn treo, xem Phần 6.6.2
 - Nếu được đóng gói ở dạng bao phòng, xem Phần 6.4.2
 - Nếu không được đóng gói, gán mã vạch gần mã sê ri
- Quy tắc phân rìa: xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-10: Ví dụ về điểm gán mã vạch lên súng trường và súng ngắn

- Mũ bảo hiểm, mặt nạ(thể thao)

- Điểm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đóng gói trong hộp, xem Phần 6.4.4
 - Nếu được đóng gói và dùng nhãn treo, xem Phần 6.6.2
 - Nếu không được đóng gói, xem phần 6.6.4
- Quy tắc phân rìa: xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-10: Ví dụ về điểm gán mã vạch lên mũ bảo hiểm

- Môn bóng gậy trên băng và trên cỏ

- Điểm đặt ưu tiên: Trên phần lưỡi phẳng của gậy, tôn trọng Khoảng trống thích hợp xung quanh mã vạch.
- Cách chọn khác không mong muốn: Tại chỗ cao nhất của cán, tôn trọng khoảng trống thích hợp xung quanh mã vạch. Khi in mã vạch lên bề mặt cong, đôi khi các phần

ngoài cùng của mã bị biến mất quanh chỗ cong. Xem Phần 6.A.1 để biết các qui tắc về mối quan hệ giữa đường kính của vật phẩm và kích thước X

- Qui tắc phần rìa: xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-10: Ví dụ về điếm gán mã vạch lên gậy chơi bóng trên băng

- Bộ đựng nhiều sản phẩm thể thao

- Điếm đặt ưu tiên:
 - Đối với việc gán mã vạch lên túi, xem Phần 6.4.1
 - Đối với việc gán mã vạch lên nhãn treo, xem phần 6.6.2
- Qui tắc phần rìa: xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-13: Ví dụ về việc gán mã vạch lên túi sản phẩm

- Máy đo áp suất:

- Điếm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đóng gói như các vật phẩm dẹt đựng trên bìa cứng, xem Phần 6.4.6
 - Nếu được đóng gói trong túi, xem Phần 6.4.1
 - Nếu không được đóng gói, gán mã vạch lên dải dẹt bọc bảo vệ đầu bịt/ kim ...
- Qui tắc phần rìa: Xem phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-14: Ví dụ về việc gán mã vạch lên vật phẩm dẹt đựng trên bìa cứng

- Dụng cụ, áo gi-lê bảo vệ:

- Điếm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đóng gói như các vật phẩm dẹt đựng trên bìa cứng, xem Phần 6.4.6
 - Nếu không được đóng gói, xem phần 6.6.4
- Qui tắc phần rìa: Xem phần 6.3.3.3

Hình 6.4.18-15: Ví dụ về việc gán mã vạch lên dụng cụ bảo vệ

- Máy bơm (thể thao)

- Điếm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đóng gói như các vật phẩm dẹt đựng trên bìa cứng, xem Phần 6.4.6

- Nếu không được đóng gói, gán mã vạch lên dải dẹt bọc bảo vệ đầu bịt/ kim ...

- Quy tắc phân rìa: Xem phần 6.3.3.3

Hình 6.4.18-16: Ví dụ về việc gán mã vạch lên vật phẩm dẹt đựng trên bì cứng

- **Cái vọt:**

- **Điểm đặt ưu tiên:** Trên phần chuôi của cần câu gài chỗ đuôi được gán xi, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch. Khi in mã vạch lên vùng bị cong, đôi khi có thể không nhìn thấy một trong hai đầu mã vạch xung quanh vùng bị cong. Xem Phần 6.A.1 để biết các quy tắc về mối quan hệ giữa đường kính của vật thể và kích thước X.
- **Cách chọn khác không mong muốn:** Trên bì các tông cứng bọc lấy đầu vọt, gán rìa của đầu vọt, tôn trọng Khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch.
- Quy tắc phân rìa: Xem phần 6.3.3.3

Hình 6.4.18-17: Ví dụ về việc gán mã vạch lên vọt

- **Ván trượt:**

Ván trượt thường được đựng trong bao gói. Xem phần 6.2.3, Định hướng, để xác định mặt sau của bao gói. Đối với ván trượt không đóng gói:

- **Điểm đặt ưu tiên:** Gán một mã vạch lên mặt dưới của ván trượt, ở phần đầu phía trên bánh xe, tôn trọng khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch.
- Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.18-18: Ví dụ về việc gán mã vạch lên ván trượt

- **Giày trượt:**

- **Điểm đặt ưu tiên:**
 - Nếu được đóng gói trong hộp, xem Phần 6.4.4.
 - Nếu được đóng gói và dùng nhãn treo, xem Phần 6.6.2.
- Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.18-19: Ví dụ về việc gán mã vạch lên giày trượt

- **Ván trượt tuyết**

Ván trượt không được đóng gói. Cách định hướng ván trượt tuyết: mặt trên của ván trượt là mặt đặt ủng lên và mặt dưới của ván trượt là mặt đối diện.

- Điểm đặt ưu tiên: Gán một mã vạch lên mặt dưới của ván trượt, ở phần đầu phía trên bánh xe, tôn trọng khoảng trống đúng cách xung quanh mã vạch. Yêu cầu chỉ một mã vạch cho mỗi đôi ván trượt tuyết.
- Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.18-20: Ví dụ về việc gán mã vạch lên ván trượt tuyết

- Chai đựng nước (thể thao)

- Điểm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đựng trong hộp, xem Phần 6.4.4
 - Nếu được bao gói và dùng nhãn treo, xem Phần 6.6.2.
 - Nếu không được đóng gói, gán mã lên sườn chai.
- Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3.

Hình 6.4.18-21: Ví dụ về việc gán mã vạch lên chai đựng nước

- Tàu thể thao

- Điểm đặt ưu tiên:
 - Nếu được đựng trong hộp, xem Phần 6.4.4.
 - Nếu được bao gói và dùng nhãn treo, xem Phần 6.6.2.
 - Nếu không được đóng gói, xem Phần 6.4.9, các vật phẩm to, nặng hay công kênh.
- Quy tắc phân rìa: Xem Phần 6.3.3.3

Hình 6.4.18-22: Ví dụ về việc gán mã vạch lên ca-nô

6.4.19 Bề mặt thô

Một vài mặt hàng có thể không cho phép áp dụng nhãn mã vạch vì sự gồ ghề của bề mặt thô. Những bề mặt này có thể làm méo mó nhãn và vì thế ảnh hưởng đến mã vạch. Có thể cần đến cách chọn khác để gán nhãn như dùng nhãn treo hay nhãn móc.

6.5 GÁN MÃ VẠCH CHO QUẦN ÁO VÀ PHỤ KIỆN THỜI TRANG

Các ví dụ dưới đây đưa ra các khuyến nghị về việc gán mã vạch lên quần áo và phụ kiện thời trang.

6.6 HƯỚNG DẪN ĐỊNH DẠNG CHUNG CHO QUẦN ÁO VÀ PHỤ KIỆN THỜI TRANG

Quần áo được thể hiện theo nhiều cách, như buông ra (ví dụ như treo quần áo), đựng trong hộp hay trong túi. Trong nhiều trường hợp, một nhãn tương đối nhỏ phải mang mọi thông tin thích hợp liên quan đến sản phẩm. Một nhãn để bán lẻ thường không chỉ chứa thông tin riêng biệt quan trọng về sản phẩm đối với việc bán lẻ (như lô, mẻ) và thông tin liên quan đến khách hàng (như loại, cỡ, màu), mà còn chứa cả mã vạch.

Việc trình bày phổ biến và chính xác đối với nhãn bán lẻ được chỉ ra dưới đây. Vì có nhiều loại quần áo trên thị trường bán lẻ, nên việc định dạng nhãn chi tiết được nêu ở Phần 6.6.2.

- Thể hiện nhãn: Phải chia nhãn thành ba phần:
 - Thông tin về nhà sản xuất/ bán lẻ: Phần trên cùng của nhãn là phần ưu tiên để in sự phân định về sản phẩm dưới dạng người đọc được. Thông tin này là quan trọng đối với nhà sản xuất và với người bán lẻ, nhưng thường không quan trọng đối với người tiêu dùng.
 - Mã vạch: Phần giữa của nhãn là phần tốt nhất để in mã vạch. Mã vạch ở phần này sẽ hạn chế đến mức tối thiểu những cản trở đối với máy quét vì tự nhiên đã có ranh giới tồn tại giữa thông tin về nhà sản xuất/ bán lẻ (phần trên) và thông tin về khách hàng (phần dưới).
 - Thông tin về khách hàng: Phần dưới của nhãn là phần ưu tiên để in thông tin cho người tiêu dùng, như giá, cỡ và chất vải.
- Gán mã vạch lên quần áo và phụ kiện thời trang: Để xác định điểm gán nhãn đã được in lên quần áo và phụ kiện thời trang, xem Phần 6.5 để biết các hình vẽ làm rõ nơi gắn hoặc gán nhãn lên mỗi loại sản phẩm.

6.6.1 Khái niệm vùng thông tin

Có bảy vùng thông tin mang thông tin về sản phẩm cần thiết cho bên bán, nhà bán lẻ và khách hàng. Một vài thông tin là không bắt buộc đối với từng loại nhãn.

6.6.1.1 Các vùng thông tin trên nhãn nói chung

| Vùng | Loại thông tin | Mô tả | Tình trạng: Được yêu cầu/ |
|------|----------------|-------|------------------------------|
|------|----------------|-------|------------------------------|

| | | | không bắt buộc |
|--------|---|--|---|
| Vùng 1 | Phân định hàng hóa | Đây là sự phân định chủ yếu về hàng hóa người đọc được, thường ở dạng số, mặc dù hàng hóa có thể là mẫu vải, mốt hay loại quần áo. Phải đặt sự phân định về hàng hóa ở phần trên bên trái Vùng 1 | Luôn được yêu cầu |
| Vùng 2 | Thông tin về bên bán | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về bên bán sản phẩm, như Đơn vị lưu hàng trong kho của bên bán (SKU), số cắt, lô màu, và mẫu vải. (Thông tin về bên bán giúp đảm bảo việc gắn đúng mã vạch cho sản phẩm.) | Không bắt buộc |
| Vùng 3 | Kết cấu dữ liệu (EAN/UCC-13, UCC-12, EAN/UCC-8) | Mã vạch | Luôn được yêu cầu |
| Vùng 4 | Thông tin cho khách hàng | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về sản phẩm, như thành phần sợi vải, chất khó cháy và lai lịch từ nước nào. | Không bắt buộc |
| Vùng 5 | Cỡ/ kích thước | Cỡ/ kích thước là yêu cầu chính của khách hàng. Có thể làm nổi phần thông tin về cỡ bằng cách in to và đậm và phải đặt ở bên phải Vùng 5. Bên bán có thể tùy ý đưa vào tên kiểu cách để làm công cụ trợ giúp khách hàng chọn lựa | Thường được yêu cầu nếu sản phẩm chưa được xác định (ví dụ như khăn tắm) |
| Vùng 6 | Giá bán lẻ | Cho phép khoảng trống để in các ký tự về giá với kích thước tối thiểu là 25mm (1 in.) x 32 mm (1.25 in.). Đối với các sản phẩm được đựng trong bao gói bằng nhựa, trong hộp và làm dẹt xuống, có thể có một vài phương pháp đưa ra khoảng trống theo yêu cầu như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Đối với mã vạch in trên nhãn dính, khoảng trống để in giá có thể được tính là một phần của nhãn. | Thường được yêu cầu nếu nhãn ghi đặc điểm hàng hóa chưa có giá (ví dụ nhãn được khâu vào) |

| | | | |
|--------|-------------------------------------|---|----------|
| | | <ul style="list-style-type: none"> • Đối với mã vạch được in trên bao bì, khoảng trống để in giá có thể được tính vào phần minh họa của bao bì. • Việc cung cấp khoảng trống trên bao bì gần với Phần 5 – phần được thiết kế từ trước để ghi giá bán lẻ của vật phẩm – tạo ra một khoảng trống mặc nhiên cho giá. Khoảng trống mặc nhiên sẽ thay thế yêu cầu về khoảng trống trong thực tế trên nhãn hay trên phần minh họa của bao bì. | |
| Vùng 7 | Giá bán lẻ đề xuất của nhà sản xuất | Vùng này chỉ dùng khi hàng hóa được định giá từ trước hoặc giá bán lẻ đề xuất được in lên nhãn. Nếu có, vùng này phải được đục rỗng để có thể tùy ý xé ra. | Tùy chọn |

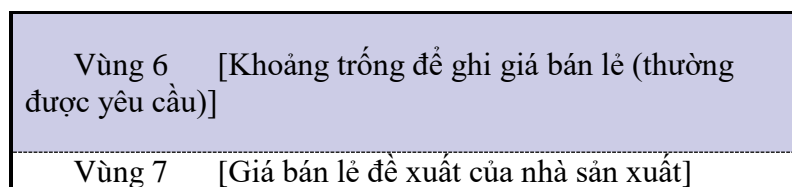
6.6.1.2 Hình dạng của nhãn nổi chung

Xem hình 6.6.1.2-1 và 6.6.1.2-2 để biết ví dụ về các vùng được trình bày trên nhãn theo chiều thẳng đứng và chiều ngang điển hình thế nào.

Hình 6.6.1.2-1

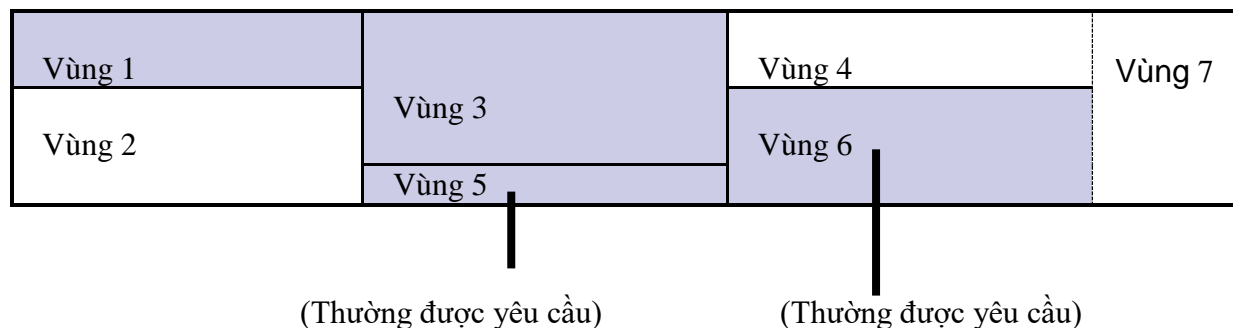
Dạng nhãn theo chiều thẳng đứng

| | |
|--------|--|
| ○ | |
| Vùng 1 | [Phân định hàng hóa] |
| Vùng 2 | [Thông tin về bên bán] |
| Vùng 3 | [Mã vạch] |
| Vùng 4 | [Thông tin cho khách hàng] |
| Vùng 5 | [Cỡ/ kích thước] (thường được yêu cầu) |

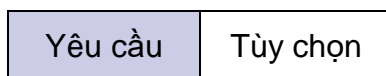


Hình 6.6.1.2-2

Dạng nhãn theo chiều nằm ngang



Chú thích:



6.6.2 Nhãn tr

Mặc dù nhãn treo chủ yếu được dùng cho quần áo may sẵn, vẫn có rất nhiều loại sản phẩm khác sử dụng nhãn treo. Quần áo gập sẵn, đồ trang sức, thắt lưng, đèn bàn và đồ đặc đều có thể dùng nhãn treo. Vì thế, các hướng dẫn tự nguyện về nhãn treo trình bày ở phần này đưa ra các dạng nhãn treo với các thiết kế linh động trong khi vẫn giữ được khái niệm vùng thông tin.

Nhãn treo có hai mục đích. Thứ nhất, cung cấp thông tin phân định nhãn hàng hóa cho người tiêu dùng. Thứ hai, vì mặt sau của nhãn treo thường dùng để ghi thông tin về sản phẩm và mã phân định sản phẩm, nên nó phải mang mã vạch phân định sản phẩm đó.

Một maket tiêu biểu của nhãn treo sẽ mô tả lô gô của người bán ở mặt trước và mã phân định sản phẩm cũng như mã vạch ở mặt sau. Người bán có thể tự cho lô gô bổ sung vào mặt sau của nhãn treo. Tuy nhiên, không được in lô gô vào phần dưới cùng vì có thể bị nhãn in giá bán lẻ che khuất hoặc có thể bị xé khi bỏ đi vùng ghi giá bán lẻ đề xuất của nhà sản xuất. Phải tránh in nền lô gô vì phần này có thể sẽ che khuất thông tin được yêu cầu hoặc thông tin quan trọng cho khách hàng. Không bao giờ in Lô gô che khuất mã vạch.

6.6.2.1 Các vùng thông tin trên nhãn treo

| Vùng | Loại thông tin | Mô tả | Tình trạng: Được yêu cầu/ không bắt buộc |
|-------------|---|--|---|
| Vùng 1 | Phân định hàng hóa | Đây là sự phân định chủ yếu về hàng hóa người đọc được, thường ở dạng số, mặc dù hàng hóa có thể là mẫu vải, mốt hay loại quần áo. Phải đặt sự phân định về hàng hóa ở phần trên bên trái Vùng 1 | Luôn được yêu cầu (Xem chú thích) |
| Vùng 2 | Thông tin về bên bán | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về bên bán sản phẩm, như Đơn vị lưu hàng trong kho của bên bán (SKU), số cắt, lô màu, và mẫu vải. (Thông tin về bên bán giúp đảm bảo việc gắn đúng mã vạch cho sản phẩm.) | Không bắt buộc |
| Vùng 3 | Kết cấu dữ liệu (EAN/UCC-13, UCC-12, EAN/UCC-8) | Mã vạch | Luôn được yêu cầu |
| Vùng 4 | Thông tin cho khách hàng | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về sản phẩm, như thành phần sợi vải, chất khó cháy và lai lịch từ nước nào. | Không bắt buộc |
| Vùng 5 | Cỡ/ kích thước | Cỡ/ kích thước là yêu cầu chính của khách hàng. Có thể làm nổi phần thông tin về cỡ bằng cách in to và đậm và phải đặt ở bên phải Vùng 5. Bên bán có thể tùy ý đưa vào tên kiểu cách để làm công cụ trợ giúp khách hàng chọn lựa | Thường được yêu cầu nếu sản phẩm chưa được xác định (ví dụ như khăn tắm) |
| Vùng 6 | Giá bán lẻ | Cho phép khoảng trống để in các kí tự về giá với kích thước tối thiểu là 25mm (1 in.) x 32 mm (1.25 in.). | Thường được yêu cầu nếu nhãn ghi đặc điểm hàng hóa chưa có giá (ví dụ nhãn được khâu vào) |

| | | | |
|--------|-------------------------------------|--|----------|
| Vùng 7 | Giá bán lẻ đề xuất của nhà sản xuất | Vùng này chỉ dùng khi hàng hóa được định giá từ trước hoặc giá bán lẻ đề xuất được in lên nhãn. Nếu có, vùng này phải được đục rãnh cưa để có thể tùy ý xé ra. | Tùy chọn |
|--------|-------------------------------------|--|----------|

Chú thích: Cỡ và màu là tùy ý đưa vào Vùng 1 nếu bên bán yêu cầu thông tin này để phân định sản phẩm.

6.6.2.2 Các ví dụ về nhãn treo

Hình 6.6.2.2-1

6.6.3 Dạng nhãn để khâu trên sản phẩm

Phần lớn loại nhãn này được dùng riêng cho hàng hóa là quần áo và có hình thức giống với nhãn treo, nhưng khác biệt ở một khía cạnh quan trọng là chúng được khâu trực tiếp chứ không phải là treo vào sản phẩm. Vì chúng được khâu vào sản phẩm nên chỉ có một mặt của nhãn là có thể in lô gô của người bán, mã vạch và thông tin phân định hàng hóa.

Việc đưa lô gô của người bán vào nhãn là tùy ý. Nếu việc đưa lô gô này là có, không được đưa lô gô vào phần dưới cùng của nhãn vì nếu không có thể sẽ bị nhãn ghi giá bán lẻ che khuất, hoặc có thể bị xé mất cùng với phần ghi giá bán lẻ đề xuất của nhà sản xuất.. Phải tránh phần nền để in lô gô vì nó có thể che khuất thông tin được yêu cầu hay thông tin quan trọng dành cho khách hàng. Lô gô không được che khuất mã vạch.

6.6.3.1 Các vùng thông tin trên nhãn để khâu trên sản phẩm

| Vùng | Loại thông tin | Mô tả | Tình trạng: Được yêu cầu/ không bắt buộc |
|--------|--------------------|--|--|
| Vùng 1 | Phân định hàng hóa | Đây là sự phân định chủ yếu về hàng hóa người đọc được, thường ở dạng số, mặc dù hàng hóa có thể là mẫu vải, mốt hay loại quần áo. Phải đặt sự phân định | Luôn được yêu cầu (xem Chú thích) |

| | | | |
|--------|---|---|---|
| | | về hàng hóa ở phần trên bên trái Vùng 1 | |
| Vùng 2 | Thông tin về bên bán | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về bên bán sản phẩm, như Đơn vị lưu hàng trong kho của bên bán (SKU), số cắt, lô màu, và mẫu vải. (Thông tin về bên bán giúp đảm bảo việc gắn đúng mã vạch cho sản phẩm.) | Không bắt buộc |
| Vùng 3 | Kết cấu dữ liệu (EAN/UCC-13, UCC-12, EAN/UCC-8) | Mã vạch | Luôn được yêu cầu |
| Vùng 4 | Thông tin cho khách hàng | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về sản phẩm, như thành phần sợi vải, chất khó cháy và lai lịch từ nước nào. | Không bắt buộc |
| Vùng 5 | Cỡ/ kích thước | Cỡ/ kích thước là yêu cầu chính của khách hàng. Có thể làm nổi phần thông tin về cỡ bằng cách in to và đậm và phải đặt ở bên phải Vùng 5. Bên bán có thể tùy ý đưa vào tên kiểu cách bằng ngôn ngữ đơn giản để làm công cụ trợ giúp khách hàng chọn lựa | Thường được yêu cầu nếu sản phẩm chưa được xác định (ví dụ như khăn tắm) |
| Vùng 6 | Giá bán lẻ | Cho phép khoảng trống để in các kí tự về giá với kích thước tối thiểu là 25mm (1 in.) x 32 mm (1.25 in.). | Thường được yêu cầu nếu nhãn ghi đặc điểm hàng hóa chưa có giá (ví dụ nhãn được khâu vào) |
| Vùng 7 | Giá bán lẻ đề xuất của nhà sản xuất | Vùng này chỉ dùng khi hàng hóa được định giá từ trước hoặc giá bán lẻ đề xuất được in lên nhãn. Nếu có, vùng này phải được đục rãnh cưa để có thể tùy ý xé ra. | Tùy chọn |

Chú thích: Cỡ và màu là tùy ý đưa vào Vùng 1 nếu bên bán yêu cầu thông tin này để phân định sản phẩm.

6.6.3.2 Các ví dụ về nhãn để khâu trên sản phẩm

Hình 6.6.3.2-1

Dạng theo chiều thẳng đứng

Hình 6.6.3.2-2

Dạng theo chiều nằm ngang

6.6.4 Dạng nhãn để khâu vào sản phẩm

Nhãn để khâu vào sản phẩm thường được dùng cho các sản phẩm là khăn. Nhãn để khâu vào có thể làm bằng giấy cho khách hàng có thể bỏ đi, hoặc làm bằng vải để bền hơn.

Vì một phần của nhãn để khâu vào sản phẩm thường bị phủ bởi một đường viền, nên phải thiết kế nhãn có khoảng trống phù hợp tại phần đuôi – phần sẽ được gắn vào sản phẩm. Phải cẩn thận đảm bảo đường viền không che khuất thông tin phân định sản phẩm trên nhãn và không làm ảnh hưởng đến khả năng đọc mã vạch của máy quét tại điểm bán.

6.6.4.1 Các vùng thông tin trên nhãn để khâu vào sản phẩm

| Vùng | Loại thông tin | Mô tả | Tình trạng: Được yêu cầu/ không bắt buộc |
|--------|--------------------------------------|---|--|
| Vùng 1 | Phân định hàng hóa | Đây là sự phân định chủ yếu về hàng hóa người đọc được, thường ở dạng số, mặc dù hàng hóa có thể là mẫu vải, một hay loại quần áo. Phải đặt sự phân định về hàng hóa ở phần trên bên trái Vùng 1 | Luôn được yêu cầu (xem Chú thích) |
| Vùng 2 | Thông tin về bên bán | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về bên bán sản phẩm, như Đơn vị lưu hàng trong kho của bên bán (SKU), số cắt, lô màu, và mẫu vải. (Thông tin về bên bán giúp đảm bảo việc gắn đúng mã vạch cho sản phẩm.) | Không bắt buộc |
| Vùng 3 | Kết cấu dữ liệu (EAN/UCC-13, UCC-12, | Mã vạch | Luôn được yêu cầu |

| | | | |
|--------|-------------------------------------|---|---|
| | EAN/UCC-8) | | |
| Vùng 4 | Thông tin cho khách hàng | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về sản phẩm, như thành phần sợi vải, chất khó cháy và lai lịch từ nước nào. | Không bắt buộc |
| Vùng 5 | Cỡ/ kích thước | Cỡ hoặc kích thước là không bắt buộc đối với nhãn để khâu vào. Cỡ hoặc kích thước có thể trợ giúp khách hàng chọn lựa sản phẩm hay có thể giúp bên bán đảm bảo gán đúng nhãn và mã vạch lên sản phẩm. | Thường được yêu cầu nếu sản phẩm chưa được xác định (ví dụ như khăn tắm) và nếu sản phẩm là quần áo không dễ nhận diện. |
| Vùng 6 | Giá bán lẻ | Cho phép khoảng trống để in các ký tự về giá với kích thước tối thiểu là 25mm (1 in.) x 32 mm (1.25 in.). | Thường được yêu cầu nếu nhãn ghi đặc điểm hàng hóa chưa có giá (ví dụ nhãn được khâu vào) |
| Vùng 7 | Giá bán lẻ đề xuất của nhà sản xuất | Vùng này chỉ dùng khi hàng hóa được định giá từ trước hoặc giá bán lẻ đề xuất được in lên nhãn. Nếu có, vùng này phải được đục rãnh cưa để có thể tùy ý xé ra. | Tùy chọn |

Chú thích: Cỡ và màu là tùy ý đưa vào Vùng 1 nếu bên bán yêu cầu thông tin này để phân định sản phẩm.

6.6.5 Các hướng dẫn về vị trí của nhãn trên sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa

Danh mục hàng hóa đựng trong bao gói bằng nhựa bao gồm rất nhiều loại như chăn, vỏ gối, khăn trải bàn, quần nịt, đồ lót, gối, khăn trải giường và vô số loại quần áo gập phẳng.

Có hai phương pháp gán mã vạch lên các sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa là:

- Đưa mã vạch và các thông tin phân định hàng hóa khác vào maket của bao bì

- In mã vạch và các thông tin phân định hàng hóa khác lên nhãn dính để có thể dính vào sản phẩm.

Việc đưa lô gô của bên bán vào nhãn là tùy ý. Nếu có, không được in lô gô này vào phần dưới cùng vì có thể bị nhãn ghi giá bán lẻ che khuất, hoặc có thể bị xé mất cùng với giá bán lẻ đề xuất của nhà sản xuất. Không được in phần nền của lô gô vì nó có thể che khuất thông tin được yêu cầu hay thông tin quan trọng cho khách hàng. Không bao giờ in lô gô đè lên mã vạch.

6.6.5.1 Các vùng thông tin trên nhãn của sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa

| Vùng | Loại thông tin | Mô tả | Tình trạng: Được yêu cầu/ không bắt buộc |
|--------|---|---|--|
| Vùng 1 | Phân định hàng hóa | Đây là sự phân định chủ yếu về hàng hóa người đọc được, thường ở dạng số, mặc dù hàng hóa có thể là mẫu vải, mốt hay loại quần áo. Phải đặt sự phân định về hàng hóa ở phần trên bên trái Vùng 1 | Luôn được yêu cầu (xem Chú thích 1) |
| Vùng 2 | Thông tin về bên bán | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về bên bán sản phẩm, như Đơn vị lưu hàng trong kho của bên bán (SKU), số cắt, lô màu, và mẫu vải. (Thông tin về bên bán giúp đảm bảo việc gắn đúng mã vạch cho sản phẩm.) | Không bắt buộc |
| Vùng 3 | Kết cấu dữ liệu (EAN/UCC-13, UCC-12, EAN/UCC-8) | Mã vạch | Luôn được yêu cầu |
| Vùng 4 | Thông tin cho khách hàng | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về sản phẩm, như thành phần sợi vải, chất khó cháy và lai lịch từ nước nào. | Không bắt buộc (xem Chú thích 2) |
| Vùng 5 | Cỡ/ kích thước | Cỡ/ kích thước là yêu cầu chính của khách hàng. Có thể làm nổi phần thông tin về cỡ bằng cách in to và đậm và phải đặt ở bên phải Vùng 5. Bên bán có thể tùy ý đưa vào tên kiểu cách để làm công cụ trợ giúp | Thường được yêu cầu (xem Chú thích 3). |

| | | | |
|--------|-------------------------------------|--|---------------------|
| | | khách hàng chọn lựa. | |
| Vùng 6 | Giá bán lẻ | <p>Cho phép khoảng trống để in các ký tự về giá với kích thước tối thiểu là 25mm (1 in.) x 32 mm (1.25 in.). Đối với các sản phẩm được đựng trong bao gói bằng nhựa, có thể có một vài phương pháp đưa ra khoảng trống theo yêu cầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với mã vạch in trên nhãn dính, khoảng trống để in giá có thể được tính là một phần của nhãn. • Đối với mã vạch được in trên bao bì, khoảng trống để in giá có thể được tính vào phần minh họa của bao bì. • Việc cung cấp khoảng trống trên bao bì gắn với Phần 5 – phần được thiết kế từ trước để ghi giá bán lẻ của vật phẩm – tạo ra một khoảng trống mặc nhiên cho giá. Khoảng trống mặc nhiên sẽ thay thế yêu cầu về khoảng trống trong thực tế trên nhãn hay trên phần minh họa của bao bì. <p>Nếu sử dụng khoảng trống mặc nhiên để in giá, không được in bất kỳ thông tin quan trọng nào vào phần này vì có thể bị nhãn dính ghi giá che khuất.</p> | Thường được yêu cầu |
| Vùng 7 | Giá bán lẻ đề xuất của nhà sản xuất | Vùng này chỉ dùng khi hàng hóa được định giá từ trước hoặc giá bán lẻ đề xuất được in lên nhãn. Nếu có, vùng này phải được đục rỗng để có thể tùy ý xé ra. | Tùy chọn |

Chú thích 1: Cỡ và màu là tùy ý đưa vào Vùng 1 nếu bên bán yêu cầu thông tin này để phân định sản phẩm.

Chú thích 2: Một vài quyền thực thi pháp lý yêu cầu một số sản phẩm cụ thể phải mang lời tuyên bố thường trực về loại này trong Vùng 4 – thông tin có thể chưa được đưa vào trên bao gói.

Chú thích 3: Có thể bỏ thông tin về cỡ khỏi Vùng 5 nếu đã có thông tin này trên bao gói.

6.6.5.2 Các hướng dẫn về việc gắn nhãn lên sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa

Yêu cầu phải gắn mã vạch cho phù hợp để đảm bảo quét tốt tại điểm bán. Các hướng dẫn về việc gắn mã vạch lên sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa đã được xây dựng với tính linh động để có thể điều chỉnh cho phù hợp với những khác biệt có thể phát sinh giữa các ngành công nghiệp:

- Đối với các sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa, góc phải bên trên mặt trước là vị trí ưu tiên để gắn mã vạch và các thông tin phân định khác của sản phẩm.
- Mã vạch và các thông tin phân định khác của sản phẩm có thể được gắn vào mặt trước hoặc mặt sau của sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa. Tuy nhiên, mọi sản phẩm trong danh mục hàng hóa đặc thù phải có mã vạch được gắn ở cùng một mặt của bao gói.

Chú ý: Việc gắn mã vạch lên mặt sau của sản phẩm có thể khiến một vài nhà bán lẻ khi bày hàng lên giá sẽ quay mặt sau của sản phẩm ra ngoài để khách hàng có thể nhìn thấy cả mã vạch và giá bán lẻ.

- Sự định hướng mã vạch và thông tin phân định khác về sản phẩm phải phù hợp với mọi đồ họa hay dữ liệu miêu tả trên bao gói bằng nhựa.
- Khi có thể, mã vạch và thông tin phân định khác về sản phẩm, hoặc là được in cùng với ma kết của bao gói hoặc là được in lên nhãn dính, phải không được gần quá 8mm (0.3 in.) hoặc xa quá 100mm (4 in.) so với phần rìa gần nhất của bao gói. Kinh nghiệm cho thấy rằng khoảng cách tối thiểu 5 mm (0.2 in.) khuyến nghị trước đây là không phù hợp. Hơn thế nữa, người tính tiền thường dùng ngón tay cái để cầm lấy bao hàng. Vì thế chảnh gắn mã vạch quá gần phần rìa. Việc gắn mã vạch quá gần rìa sẽ làm giảm năng suất quét hàng tại điểm bán và có thể làm hỏng mã vạch (Xem Phần 6.3.3.3 về qui tắc phần rìa).
- Phải gắn mã vạch và thông tin phân định khác lên sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa tại góc phải bên trên mặt trước. Tuy nhiên, đối với các sản phẩm quá to, cồng kềnh hay có bề mặt khác thường, việc gắn mã vạch như vậy lại có thể không thực tế hay không phù hợp. Xem Phần 6.4.9 để biết thông tin về các vật phẩm to, nặng và cồng kềnh.

Chú thích: Phần 6.4 qui định vị trí khuyến nghị gắn mã vạch là góc phần tư bên phải phía dưới mặt sau của bao gói hay công ten nơ. Vẫn khuyến nghị như vậy đối với các sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa được bán tại cửa hàng tạp phẩm.

6.6.5.3 Ví dụ về nhãn trên sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa

Hình 6.6.5.3-1

6.6.6 Các dạng nhãn trên sản phẩm đựng trong hộp

Một số sản phẩm đựng trong hộp có thể được bán kèm hộp hoặc bỏ hộp. Các sản phẩm đựng trong hộp khác thực tế là các bộ có thể bán lẻ. Một vài vỏ hộp có đồ họa được thiết kế đặc biệt, trong khi đó những hộp khác lại để trắng.

Cỡ hộp có thể từ rất nhỏ, ví dụ hộp đựng trang sức hay mỹ phẩm, đến rất lớn, như hộp đựng đồ đạc. Đối với các sản phẩm cỡ to đựng trong hộp, cần cân nhắc việc sử dụng nhãn gán mã vạch có thể xé ra thành hai phần để tạo thuận lợi cho việc quét tại điểm bán trong khi để lại một nhãn trên hộp.

Có hai phương pháp gán mã vạch lên sản phẩm đựng trong hộp:

- In mã vạch và thông tin phân định khác về hàng hóa cùng với mã kết của hộp.
- In mã vạch và thông tin phân định khác về hàng hóa lên nhãn dính để có thể dán lên hộp.

Có thể tùy ý đưa lô gô của người bán vào mã kết của hộp. Nếu có, phải không được gán lô gô vào phía dưới vì nó có thể bị nhãn ghi giá bán lẻ che khuất hoặc nó có thể bị xé mất cùng với giá bán lẻ đề nghị của nhà sản xuất. Phải tránh in nền in lô gô vì nó có thể che khuất thông tin yêu cầu hay thông tin quan trọng đối với khách hàng.

6.6.6.1 Các vùng thông tin trên nhãn của sản phẩm đựng trong hộp

| Vùng | Loại thông tin | Mô tả | Tình trạng: Được yêu cầu/ không bắt buộc |
|--------|---|---|--|
| Vùng 1 | Phân định hàng hóa | Đây là sự phân định chủ yếu về hàng hóa người đọc được, thường ở dạng số, mặc dù hàng hóa có thể là mẫu vải, mốt hay loại quần áo. Phải đặt sự phân định về hàng hóa ở phần trên bên trái Vùng 1 | Luôn được yêu cầu (xem Chú thích 1) |
| Vùng 2 | Thông tin về bên bán | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về bên bán sản phẩm, như Đơn vị lưu hàng trong kho của bên bán (SKU), số cắt, lô màu, và mẫu vải. (Thông tin về bên bán giúp đảm bảo việc gán đúng mã vạch cho sản phẩm.) | Không bắt buộc |
| Vùng 3 | Kết cấu dữ liệu (EAN/UCC-13, UCC-12, EAN/UCC-8) | Mã vạch | Luôn được yêu cầu |

| | | | |
|--------|-------------------------------------|--|--|
| Vùng 4 | Thông tin cho khách hàng | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về sản phẩm cho khách hàng, như thành phần sợi vải, chất khó cháy và lai lịch từ nước nào. | Không bắt buộc (xem Chú thích 2) |
| Vùng 5 | Cỡ/ kích thước | Cỡ/ kích thước là yêu cầu chính của khách hàng. Có thể làm nổi phần thông tin về cỡ bằng cách in to và đậm và phải đặt ở bên phải Vùng 5. Bên bán có thể tùy ý đưa vào tên kiểu cách để làm công cụ trợ giúp khách hàng chọn lựa. | Thường được yêu cầu (xem Chú thích 3). |
| Vùng 6 | Giá bán lẻ | <p>Cho phép khoảng trống để in các ký tự về giá với kích thước tối thiểu là 25mm (1 in.) x 32 mm (1.25 in.). Đối với các sản phẩm đựng hộp, có thể có một vài phương pháp đưa ra khoảng trống để in giá như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với mã vạch in trên nhãn dính, khoảng trống để in giá có thể được tính là một phần của nhãn. • Đối với mã vạch được in trên bao bì, khoảng trống để in giá có thể được tính vào phần minh họa của bao bì. • Việc cung cấp khoảng trống trên bao bì gần với Phần 5 – phần được thiết kế từ trước để ghi giá bán lẻ của vật phẩm – tạo ra một khoảng trống mặc nhiên cho giá. Khoảng trống mặc nhiên sẽ thay thế yêu cầu về khoảng trống trong thực tế trên nhãn hay trên phần minh họa của bao bì. <p>Nếu sử dụng khoảng trống mặc nhiên để in giá, không được in bất kỳ thông tin quan trọng nào vào phần này vì có thể bị nhãn dính ghi giá che khuất.</p> | Thường được yêu cầu |
| Vùng 7 | Giá bán lẻ đề xuất của nhà sản xuất | Vùng này chỉ dùng khi hàng hóa được định giá từ trước hoặc giá bán lẻ đề xuất được in lên nhãn. Nếu có, vùng này phải được đục rãnh cưa để có thể tùy ý xé ra. | Tùy chọn |

Chú thích 1: Cỡ và màu là tùy ý đưa vào Vùng 1 nếu bên bán yêu cầu thông tin này để phân định sản phẩm.

Chú thích 2: Một vài quyền thực thi pháp lý yêu cầu một số sản phẩm cụ thể phải mang lời tuyên bố thường trực về loại này trong Vùng 4 – thông tin có thể chưa được đưa vào trên bao gói.

Chú thích 3: Có thể bỏ thông tin về cỡ khối Vùng 5 nếu đã có thông tin này trên bao gói.

6.6.6.2 Các đơn vị bán lẻ được đóng gói hay được để riêng

Các đơn vị bán lẻ cụ thể (thương phẩm) có thể được bán như các vật thể riêng, hay có thể được bán theo gói. Việc này gây khó khăn cho nhà phân phối: đánh dấu vật phẩm hay bao gói? Trường hợp này vẫn áp dụng các quy tắc cấp mã GTIN, xem Phần 2.1.4.

6.6.6.3 Các hướng dẫn về việc gắn nhãn lên sản phẩm đựng trong hộp

Yêu cầu việc gắn mã vạch phù hợp trong phạm vi danh mục sản phẩm hoặc nền công nghiệp nào đó khi hàng hóa mang mã vạch là nhằm để quét mã vạch được tốt tại điểm bán. Vì danh mục sản phẩm đựng trong hộp bao gồm một nhóm hàng hóa thay đổi khác nhau nên các hướng dẫn về việc gắn nhãn đã được xây dựng với tính linh động để có thể điều chỉnh cho phù hợp với những khác biệt có thể phát sinh giữa các ngành công nghiệp:

- Bề mặt lộ ra của hộp là vị trí khuyến nghị để gắn mã vạch và thông tin phân định khác về sản phẩm đối với các sản phẩm đựng trong hộp để bán chủ yếu trong cửa hàng bách hóa hay cửa hàng đặc trưng.
- Sự định hướng mã vạch và thông tin phân định khác về sản phẩm phải phù hợp với mọi đồ họa hay dữ liệu miêu tả trên hộp.
- Khi có thể, mã vạch và thông tin phân định khác về sản phẩm, hoặc là được in cùng với mặt kết của bao gói hoặc là được in lên nhãn dính, phải không được gần quá 8mm (0.3 in.) hoặc xa quá 100mm (4 in.) so với phần rìa gần nhất của bao gói. Kinh nghiệm cho thấy rằng khoảng cách tối thiểu 5 mm (0.2 in.) khuyến nghị trước đây là không phù hợp. Hơn thế nữa, người tính tiền thường dùng ngón tay cái để cầm lấy bao hàng. Vì thế chảnh gắn mã vạch quá gần phần rìa. Việc gắn mã vạch quá gần rìa sẽ làm giảm năng suất quét hàng tại điểm bán và có thể làm hỏng mã vạch (Xem Phần 6.3.3.3 về quy tắc phần rìa).
- Phải gắn mã vạch và thông tin phân định khác lên sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa tại góc phải bên trên mặt trước. Tuy nhiên, đối với các sản phẩm quá to, công kênh hay có bề

mặt khác thường, việc gán mã vạch như vậy lại có thể không thực tế hay không phù hợp. Xem Phần 6.4.9 để biết thông tin về các vật phẩm to, nặng và cồng kềnh.

Chú thích: Phần 6.4 qui định vị trí khuyến nghị gán mã vạch là góc phần tư bên phải phía dưới mặt sau của bao gói hay công ten nơ. Vẫn khuyến nghị như vậy đối với các sản phẩm đựng trong bao gói bằng nhựa được bán tại cửa hàng tạp phẩm.

6.6.6.4 Các ví dụ về nhãn trên sản phẩm đựng trong hộp

Hình 6.6.6.4-1

6.6.7 Dạng nhãn trên sản phẩm có đầu thắt giải buộc

Bao gói có đầu thắt giải buộc gồm một nhóm các sản phẩm đặc biệt. Loại bao gói này chủ yếu liên quan đến hàng dệt kim (tất) hay hàng sợi.

Có hai phương pháp gán mã vạch lên sản phẩm có đầu thắt dải buộc:

- In mã vạch và thông tin phân định khác về hàng hóa cùng với ma kết của nẹp.
- In mã vạch và thông tin phân định khác về hàng hóa lên nhãn dính để có thể dán lên nẹp.

Nhãn trên sản phẩm có đầu thắt dải buộc sẽ mô tả lô gô của bên bán ở mặt trước còn mặt sau sẽ mang mã vạch phân định sản phẩm, thông tin cho khách hàng và mã vạch. Cũng có thể in lô gô của bên bán lên mặt sau của nẹp như là một phần ma kết của nẹp. Tuy nhiên, cần thận trọng để đảm bảo không che khuất mã vạch hay thông tin quan trọng khác về sản phẩm. Phải tránh in phần nền của lô gô.

6.6.7.1 Các vùng thông tin trên nhãn của sản phẩm có đầu thắt dải buộc

| Vùng | Loại thông tin | Mô tả | Tình trạng: Được yêu cầu/ không bắt buộc |
|--------|----------------------|--|--|
| Vùng 1 | Phân định hàng hóa | Đây là sự phân định chủ yếu về hàng hóa người đọc được, thường ở dạng số, mặc dù hàng hóa có thể là mẫu vải, mốt hay loại quần áo. Phải đặt sự phân định về hàng hóa ở phần trên bên trái Vùng 1 | Luôn được yêu cầu (xem Chú thích 1) |
| Vùng 2 | Thông tin về bên bán | Phần này bao gồm thông tin về không bắt sản phẩm buộc bên bán, như Đơn vị lưu hàng trong kho của bên bán (SKU), số cất, lô màu, và mẫu vải. (Thông | Không bắt buộc |

| | | | |
|--------|---|---|--|
| | | tin về bên bán giúp đảm bảo việc gắn đúng mã vạch cho sản phẩm.) | |
| Vùng 3 | Kết cấu dữ liệu (EAN/UCC-13, UCC-12, EAN/UCC-8) | Mã vạch | Luôn được yêu cầu |
| Vùng 4 | Thông tin cho khách hàng | Phần này bao gồm thông tin không bắt buộc về sản phẩm cho khách hàng, như thành phần sợi vải, chất khó cháy và lai lịch từ nước nào. | Không bắt buộc (xem Chú thích 2) |
| Vùng 5 | Cỡ/ kích thước | Cỡ/ kích thước là yêu cầu chính của khách hàng. Có thể làm nổi phần thông tin về cỡ bằng cách in to và đậm và phải đặt ở bên phải Vùng 5. Bên bán có thể tùy ý đưa vào tên kiểu cách để làm công cụ trợ giúp khách hàng chọn lựa. | Thường được yêu cầu (xem Chú thích 3). |
| Vùng 6 | Giá bán lẻ | Cho phép khoảng trống để in các ký tự về giá với kích thước tối thiểu là 25mm (1 in.) x 32 mm (1.25 in.). Đối với các sản phẩm có đầu thắt dải buộc, có thể có một vài phương pháp đưa ra khoảng trống để in giá như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Đối với mã vạch in trên nhãn dính, khoảng trống để in giá có thể được tính là một phần của nhãn. • Đối với mã vạch được in trên bao bì, khoảng trống để in giá có thể được tính vào phần minh họa của bao bì. • Việc cung cấp khoảng trống trên bao bì gần với Phần 5 – phần được thiết kế từ trước để ghi giá bán lẻ của vật phẩm – tạo ra một khoảng trống mặc nhiên cho giá. Khoảng trống mặc nhiên sẽ thay thế yêu cầu về | Thường được yêu cầu |

| | | | |
|--------|-------------------------------------|--|----------|
| | | <p>khoảng trống trong thực tế trên nhãn hay trên phần minh họa của bao bì.</p> <p>Nếu sử dụng khoảng trống mặc nhiên để in giá, không được in bất kỳ thông tin quan trọng nào vào phần này vì có thể bị nhãn dính ghi giá che khuất.</p> | |
| Vùng 7 | Giá bán lẻ đề xuất của nhà sản xuất | Vùng này chỉ dùng khi hàng hóa được định giá từ trước hoặc giá bán lẻ đề xuất được in lên nhãn. Nếu có, vùng này phải được đục rãnh cưa để có thể tùy ý xé ra. | Tùy chọn |

Chú thích 1: Cỡ và màu là tùy ý đưa vào Vùng 1 nếu bên bán yêu cầu thông tin này để phân định sản phẩm.

Chú thích 2: Một vài quyền thực thi pháp lý yêu cầu một số sản phẩm cụ thể phải mang lời tuyên bố thường trực về loại này trong Vùng 4 – thông tin có thể chưa được đưa vào trên bao gói.

Chú thích 3: Có thể bỏ thông tin về cỡ khỏi Vùng 5 nếu đã có thông tin này trên bao gói.

6.7 Các hướng dẫn chung về việc gán mã vạch trong phân phối nói chung

Vật phẩm để phân phối nói chung là bất kỳ đơn vị riêng lẻ nào trong quá trình vận chuyển và phân phối. Định nghĩa này bao gồm một loạt các loại bao gói như pa lét, thùng và đơn vị chuyên chở khác. Những vật phẩm này có thể là thương phẩm và/ hoặc đơn vị giao vận.

Có thể quét mã vạch bằng tay hay tự động và vị trí gán mã vạch khuyến nghị không thể là hợp lý đối với tất cả sản phẩm trong chuỗi cung ứng mở. Những hướng dẫn này đã được chuẩn bị với mục đích làm giảm chi phí của toàn bộ chuỗi cung ứng và việc thực hiện chúng sẽ chỉ bị thay đổi khi có trường hợp kinh doanh (thuộc chuỗi cung ứng) chứng minh là cần thiết.

6.7.1 Qui tắc chung

Phải gán mã vạch trên các đơn vị để phân phối nói chung theo chiều đứng thẳng (có nghĩa là theo chiều hình hàng rào) và vào các mặt của đơn vị đó. Mỗi vật thể phải có ít nhất một mã vạch và khuyến nghị gán hai mã vạch khi những mã này được in từ trước (xem phần 6.7.2).

Vì không phải tất cả các sản phẩm đều được đóng gói theo một cách xác định, qui tắc chung này có thể không áp dụng cho các loại bao gói bất thường (ví dụ vật phẩm thấp, thùng để trưng bày, túi).

Phải tránh mã vạch khỏi mọi phần rìa dọc để không vô tình phá hỏng mã vạch trong khi vận chuyển.

6.7.1.1 Gán mã vạch lên pa lét

Đối với mọi loại pa lét, kể cả các pa lét đầy chặt đựng thương phẩm đơn và riêng lẻ (ví dụ tủ lạnh hay máy giặt), chiều cao tốt nhất từ đáy pa lét đến rìa dưới của mã vạch là trong khoảng 400 mm (16in.) và 800 mm (32 in.). Đối với pa lét thấp hơn 400 mm (16in.), phải gán mã vạch càng cao càng tốt trong khi vẫn phải đảm bảo an toàn cho mã không bị phá hủy.

Phải gán mã vạch bao gồm cả khoảng trống của nó cách mọi phần rìa dọc ít nhất 50 mm (2.0 in.) để tránh sự phá hủy.

Hình 6.7.1.1-1 Gán mã vạch lên palét

6.7.1.2 Gán mã vạch lên thùng các tông và lên các thùng ngoài cùng

Đối với thùng các tông và thùng ngoài cùng, thực tế có nhiều cách gán mã vạch, tuy nhiên vị trí gán mã tốt nhất phải đảm bảo chiều cao từ phần đáy thùng đến rìa dưới của mã vạch là 32 mm (1.25 in.). Phải gán mã vạch bao gồm cả khoảng trống của nó cách mọi phần rìa dọc ít nhất 50 mm (2.0 in.) để tránh sự phá hủy.

Hình 6.7.1.2-1 Gán mã vạch lên thùng các tông và thùng ngoài cùng

6.7.1.3 Vị trí gán mã vạch lên khay và thùng không sâu

Nếu chiều cao của thùng hay của khay thấp hơn 50 mm (2.0 in.), không thể in đầy đủ chiều cao của mã vạch cùng với phần kí tự diễn giải người đọc được phía dưới, hoặc cấu trúc của đơn vị không cho phép in toàn bộ chiều cao của mã vạch, phải cân nhắc các cách gán mã dưới đây cho phù hợp:

1. In phần kí tự diễn giải mã vạch người đọc được ở phía trái bên ngoài khoảng trống của mã vạch

Hình 6.7.1.3-1 Phần kí tự người đọc được ở bên trái mã vạch

2. Khi chiều cao của đơn vị nhỏ hơn 32 mm, có thể gán mã vạch lên phần trên của bao gói. Phải gán mã vạch với các vạch vuông góc với mặt ngắn nhất, không gần bất kì phần rìa nào hơn 19 mm (0.75 in.).

Hình 6.7.1.3-2

Đôi khi có thể dùng hai mã vạch trên các đơn vị có kích thước thay đổi. Nếu cần chuyển phần diễn giải người đọc được khỏi phần dưới mã vạch, phải gán các kí tự người đọc được của mã vạch chính vào phía trái mã vạch chính đó. Phải gán phần diễn giải người đọc được của mã vạch phụ vào bên phải mã vạch phụ đó.

6.7.2 Khuyến nghị gán mã vạch lên hai mặt

Mặc dù đối với mọi vật phẩm để phân phối nói chung đều có ít nhất một mặt thể hiện thông tin được mã hóa thành mã vạch, vẫn khuyến nghị hai mặt (hay nhiều hơn) của vật phẩm được gán mã vạch mã hóa cùng dữ liệu khi:

- Quá trình in không quá tốn kém (ví dụ thùng các tông gấp nếp được in từ trước)
- Chuỗi cung ứng yêu cầu luôn có một mã vạch hiện ra (ví dụ pa lét được lưu kho hoặc là theo chiều dài hoặc là chỉ còn một mặt lộ ra)

Hình 6.7.2-1 Hai (hay nhiều) mã vạch giống nhau

Hai nhãn giống nhau giúp việc quét được tốt hơn

6.7.3 Mã vạch bổ sung

Nếu đơn vị đã có sẵn mã vạch, phải gán tất cả mã vạch phụ sao cho không che khuất mã vạch chính. Trong trường hợp này, vị trí khuyến nghị gán mã vạch phụ là cùng mặt với mã vạch chính sao cho vẫn duy trì được vị trí theo chiều ngang thích hợp. Phải đảm bảo khoảng trống cho cả hai mã vạch.

Hình 6.7.3-1

Nếu có khả năng thể hiện cả hai phần nội dung dữ liệu vào một mã vạch UCC/EAN-128, phải kết hợp chúng lại vào một mã vạch. Phải luôn đặt mã vạch mang dữ liệu chủ yếu về sự phân định toàn bộ sản phẩm (ví dụ các phép đo trong thương mại) ở bên phải và thẳng hàng với mã vạch thể hiện GTIN (mã vạch chính).

6.8 Quy tắc đo bao gói đối với việc sắp xếp dữ liệu

Phần này thiết lập các quy tắc cho việc định nghĩa một cách rõ ràng và mang tính toàn cầu các thuộc tính đo lường danh định cho các bao gói để tạo thuận lợi trong việc trao đổi cùng một sản phẩm khi bán lẻ hay bán buôn từ đơn vị tiêu dùng đến đơn vị giao vận và mọi cấp đóng gói trung gian khác. Những quy tắc này không thiết lập dung sai cho các kích thước danh định.

Khi cấp một GTIN mới cho thương phẩm, điều quan trọng là bên cấp mã số này, thường là nhà sản xuất, sẽ cung cấp thông tin chi tiết cho các bên tham gia thương mại về các đặc tính của thương phẩm mới. Phải cung cấp thông tin này ngay khi có thể trước khi thực sự bán sản phẩm và phải bao gồm cả các chi tiết như tên nhãn hàng hóa, trọng lượng thực, chất liệu bao gói... và kích thước của bao gói.

Liên quan đến việc hài hòa dữ liệu toàn cầu, tiêu chuẩn liên quan đến việc này sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 6 năm 2006.

6.8.1 Phương pháp đo kích thước của bao gói

6.8.1.1 Lời giới thiệu

Việc đo chính xác và nhất quán kích thước của bao gói thương phẩm là chìa khóa để thực hiện thành công việc hài hòa dữ liệu giữa các bên tham gia thương mại. Những quy tắc này được xây dựng để dùng cho tất cả các bên tham gia thương mại muốn trao đổi dữ liệu về kích thước của bao gói sản phẩm. Phương pháp chung để xác định kích thước của bao gói này là nhằm để đảm bảo tính tương thích toàn cầu.

6.8.1.2 Các kích thước theo hệ mét và hệ đo lường Anh

Khi sử dụng hệ mét, mọi phép đo được thể hiện thành milimét và luôn được làm tròn lên thành số milimét nguyên. Ví dụ 99.3 mm sẽ được làm tròn thành 100 mm.

Khi sử dụng hệ đo lường Anh, mọi phép đo được thể hiện thành inơ và luôn được làm tròn lên trong khoảng 0.05 inơ gần nhất. Ví dụ, 2.942 inơ sẽ được làm tròn thành 2.95 inơ.

Khi thay đổi dữ liệu giữa các bên tham gia thương mại có sử dụng các hệ thống khác nhau, phải dùng tỷ lệ chuyển đổi sau đây với phép đo sau khi chuyển đổi sẽ được làm tròn lên:

$$1 \text{ inơ} = 25.4 \text{ mm}$$

$$1 \text{ mm} = 0.03937 \text{ inơ}$$

6.8.1.3 Thương phẩm để tiêu dùng (khâu cuối cùng để sử dụng)

6.8.1.3.1 Tổng quát

Phân định thương phẩm để tiêu dùng bằng mã GTIN. Đối với kênh bán lẻ, những thương phẩm để tiêu dùng chính là những thương phẩm được bán tại điểm bán.

6.8.1.3.2 Xác định bề mặt mặc định phía trước của vật phẩm

Trước khi tiến hành bất kỳ phép đo nào, phải xác định bề mặt mặc định phía trước của vật phẩm. Đối với các mục tiêu của tiêu chuẩn này, bề mặt mặc định phía trước là mặt có diện tích bề mặt lớn nhất mà nhà sản xuất dùng để “bán” hàng cho người tiêu dùng, nói cách khác là mặt có các dấu hiệu như tên sản phẩm.

Hình 6.8.1.3.2-1 Xác định bề mặt mặc định phía trước của vật phẩm

Một số bao gói sản phẩm có từ hai mặt với cùng diện tích bề mặt có thể làm mặt trước. Có thể bày những sản phẩm này trên giá theo cả chiều đứng thẳng và nằm ngang. Nếu một bao gói sản phẩm có từ hai mặt có thể làm mặt trước thì mặt nào cao nhất sẽ được chọn làm bề mặt mặc định phía trước (xem hình 6.8.1.3.2-2).

Hình 6.8.1.3.2-2 Xác định bề mặt mặc định phía trước của vật phẩm có từ hai mặt phía trước cùng diện tích bề mặt

Mặt cao nhất làm bề mặt
mặc định phía trước : Đúng

Mặt rộng nhất là bề mặt
mặc định phía trước: Sai

6.8.1.3.3 Xác định chiều cao, chiều rộng và chiều sâu

Sau khi đã xác định được bề mặt mặc định phía trước của vật phẩm, có thể xác định chiều cao, chiều rộng và chiều sâu của nó:

Chiều cao: từ đáy tới đỉnh

Chiều rộng: từ bên trái sang bên phải

Độ sâu: từ phía trước ra phía sau

Hình 6.8.1.3.3-1 Chiều cao, chiều rộng và chiều sâu của vật phẩm

Sau khi đã xác định chiều cao, chiều rộng và chiều sâu của vật phẩm, có thể tiến hành phép đo các kích thước.

Luôn đo các khoảng cách lớn nhất, có nghĩa là tính cả các yếu tố như chỗ phồng ra, nắp, vung và các sản phẩm kèm theo (ví dụ các sản phẩm mẫu).

Hình 6.8.1.3.3-2 Luôn đo các khoảng cách lớn nhất

6.8.1.3.4 Vật phẩm để treo

Vật phẩm để treo là bất kì thương phẩm tiêu dùng nào được trình bày trên giá treo. Nếu vật phẩm để treo có lỗ để treo, phải đo vật phẩm đó lúc đã được treo lên giá. Thậm chí, nếu đã trình bày vật phẩm đó ở dạng nằm ngang hay chất thành đống, vẫn phải tiến hành đo khi vật phẩm đã được treo lên. Luôn yêu cầu đo khoảng cách lớn nhất của vật phẩm để treo (bao gồm cả dải tay cầm).

Hình 6.8.1.3.4-1 Luôn đo vật phẩm để treo ở thể đang treo

Nếu thương phẩm để treo có bao gói dễ thay đổi hình dáng với lỗ để treo, phải đo thương phẩm đó lúc đã được treo lên giá. Trong trường hợp này, phải đo thương phẩm từ rìa này đến rìa kia (khi đo phải tính cả các đường nối đã được gắn xi).

Phải đo bao gói có hình dạng thay đổi, như túi đựng khoai tây chiên, khi đặt nó nằm trên mặt phẳng. Phải tiến hành các phép đo căn cứ vào bề mặt mặc định phía trước của thương phẩm. Không đo các đường nối đã được gắn xi ở các đầu vật phẩm trừ khi có lỗ để treo hoặc trừ khi dải tay cầm được thiết kế làm chân đế (ví dụ, cho phép công ten nơ đựng đồ uống đứng lên).

Hình 6.8.1.3.4-2 Ví dụ về vật phẩm để treo có bao gói dễ thay đổi hình dáng

6.8.1.3.5 Bao gói dễ thay đổi hình dáng có kẹp

Đối với các vật phẩm có kẹp, chiều cao là khoảng cách tính từ đáy túi đến phần đỉnh của kẹp.

Hình 6.8.1.3.5-1 Kích thước của vật phẩm có kẹp

6.8.1.3.6 Bao gói dễ thay đổi hình dáng không có nhãn

Đối với vật phẩm được bán trong túi trong suốt không có nhãn, panô có diện tích lớn nhất sẽ làm bề mặt mặc định phía trước và kích thước dài nhất sẽ làm chiều cao.

Hình 6.8.1.3.6-1 Kích thước của vật phẩm không có nhãn

6.8.1.3.7 Vật phẩm hình trụ

Đối với vật phẩm hình trụ, thường có hai kích thước bằng nhau. Những kích thước bằng nhau được xác định nhờ kết quả của việc định rõ bề mặt mặc định phía trước đối với thương phẩm tiêu dùng.

Hình 6.8.1.3.7-1 Các phép đo vật phẩm hình trụ

Chiều cao
bằng
chiều sâu

Chiều rộng
bằng chiều
sâu

6.8.1.3.8 Vật phẩm nhiều gói

Vật phẩm nhiều gói bản thân là các thương phẩm tiêu dùng nhưng lại đựng nhiều thương phẩm khác mà những thương phẩm đơn này cũng có thể được bán riêng cho người tiêu dùng. Khi thương phẩm được xác định là có nhiều gói, nó sẽ được đo theo qui tắc bề mặt mặc định phía trước ở phần 6.8.1.3.2. Nếu vật phẩm nhiều gói có thể được treo lên, nó phải được đo theo qui tắc về vật phẩm để treo.

Hình 6.8.1.3.8-1 Xác định bề mặt mặc định phía trước của vật phẩm nhiều túi

6.8.1.4 Thương phẩm không để tiêu thụ

6.8.1.4.1 Khái quát chung

Phân định những thương phẩm này bằng mã GTIN với mục đích để quét khi phân phối nói chung. Loại này bao gồm các thùng ở phía ngoài đến các dạng bao gói thương phẩm không kềm lớn nhất và có thể bao gồm cả các pa lét hay các đơn vị như công ten nơ đường biển nếu rõ ràng chúng được đem bán. Nếu thương phẩm không để tiêu thụ có thể được xem như là thương phẩm tiêu thụ, phải ưu tiên các yêu cầu ở phần 6.8.1.3 trước.

6.8.1.4.2 Xác định đáy

Trước tiên, phải xác định đáy tự nhiên của thương phẩm không để tiêu thụ trước khi xác định chiều cao, chiều rộng và chiều sâu. Đáy tự nhiên của thương phẩm không để tiêu thụ là mặt tự nhiên ở phía dưới. Khi đo thương phẩm, phải ghi lại các số đo lớn nhất cho mọi kích thước đã định.

6.8.1.4.3 Xác định chiều cao, chiều rộng và chiều sâu

Sau khi đã xác định đáy tự nhiên của thương phẩm, có thể tiến hành xác định chiều cao, chiều rộng và chiều sâu của nó:

Chiều cao: Đo thương phẩm từ đáy đến phần trên cùng.

Chiều rộng: Cạnh ngắn nhất của đáy thương phẩm.

Chiều sâu (*chiều dài): Cạnh dài nhất của đáy thương phẩm.

Hình 6.8.1.3-1 Các kích thước của thương phẩm không để tiêu thụ (thùng đựng ngoài cùng)

Điều quan trọng là tiến hành đo thương phẩm không để tiêu thụ theo cách tự do và không bị hạn chế (ví dụ như không đo theo đồng). Vật phẩm sẽ được đo cũng phải ở trong điều kiện tốt và không bị phá hủy (ví dụ như bị ẩm, bị rách).

Qui tắc phần đáy tự nhiên được dùng để đo các hộp trưng bày. Qui tắc này không phụ thuộc vào hộp trưng bày có nắp mở ở trên hay có nắp xé ở trên.

Hộp để trưng bày có nắp mở ở trên

Hộp để trưng bày có nắp xé ở trên

Qui tắc phần đáy tự nhiên được dùng để đo các túi hàng có màng co.

Hình 6.8.1.4.3 Các kích thước của thương phẩm không để tiêu thụ (túi có màng co)

Chiều cao

Qui tắc phần đáy tự nhiên được dùng để đo các túi hàng có khay.

Hình 6.8.1.4.3-4 Các kích thước của thương phẩm không để tiêu thụ (túi hàng có khay)

Hình 6.8.1.4.3-5 Các kích thước không để tiêu thụ

6.A.1 PHỤ LỤC 1: QUI TẮC CHUNG ĐỐI VỚI CÁC BỀ MẶT CONG

Nếu in mã vạch lên bề mặt cong, ưu tiên in vạch vuông góc với trục của hình trụ (sao cho tia quét có thể quét qua mã vạch trên một diện tích càng phẳng càng tốt). Có thể in mã vạch theo chiều từ trên xuống hay từ dưới lên sao cho phù hợp với các phần viết và đồ họa khác trên vật phẩm, và không làm ảnh hưởng đến việc quét mã.

Hình 6.A.1-1

Gán mã vạch lên bề mặt cong

Chiều vạch
hình bậc
thang

Chiều vạch hình hàng rào

Chiều gán mã ưu tiên này có thể làm căn cứ để cân nhắc khoảng trống và chiều in (chất lượng in thường sẽ tốt hơn khi các vạch song song với chiều in (xem phần 5.4)). Tuy nhiên, nếu phải in vạch theo chiều hình hàng rào (vạch song song với trục của hình trụ), thì góc giữa tiếp tuyến tại trung tâm của mã vạch cong và tiếp tuyến tại đầu của mã vạch cong (ria ngoài của vạch chắn) phải nhỏ hơn 30° . Nếu góc này lớn hơn 30° thì mã vạch phải được định hướng sao cho các vạch vuông góc với các đường sinh ra bề mặt vật phẩm.

Hình 6.A.1-2

Mối quan hệ giữa mã vạch và bề mặt cong

Các bảng 6.A.1-3 và 6.A.1-4 chỉ ra mối quan hệ giữa kích thước X có thể chấp nhận (chiều rộng của yếu tố hẹp) đại diện cho các đơn vị có đường kính khác nhau và các đường kính nhỏ nhất đại diện cho các kích thước X khác nhau của các công ten nơ được gán mã vạch theo chiều hình hàng rào. Hãy xem phần 5.4 để biết kích thước X lớn nhất, nhỏ nhất và kích thước chuẩn cho mã vạch, dựa trên cơ sở môi trường quét.

Bảng 6.A.1-3

| Đường kính của công ten nơ | | Giá trị lớn nhất của kích thước X | | | |
|----------------------------|------------------|-----------------------------------|----------|---------------|----------|
| | | Mã vạch EAN-13 hoặc UPC-A | | Mã vạch EAN-8 | |
| | | mm | Inches | mm | Inches |
| 30 hay nhỏ hơn | 1.18 hay nhỏ hơn | * | * | * | * |
| 35 | 1.38 | * | * | (0.274) | (0.0108) |
| 40 | 1.57 | * | * | (0.314) | (0.0124) |
| 45 | 1.77 | * | * | 0.353 | 0.0139 |
| 50 | 1.97 | (0.274) | (0.0108) | 0.389 | 0.0153 |
| 55 | 2.16 | (0.304) | (0.0120) | 0.429 | 0.0169 |
| 60 | 2.36 | 0.330 | 0.0130 | 0.469 | 0.0185 |
| 65 | 2.56 | 0.356 | 0.0140 | 0.508 | 0.0200 |
| 70 | 2.75 | 0.386 | 0.0152 | 0.549 | 0.0216 |
| 75 | 2.95 | 0.413 | 0.0163 | 0.587 | 0.0232 |
| 80 | 3.25 | 0.446 | 0.0174 | 0.627 | 0.0247 |
| 85 | 3.35 | 0.469 | 0.0185 | 0.660 | 0.0260 |
| 90 | 3.54 | 0.495 | 0.0195 | 0.660 | 0.0260 |
| 95 | 3.74 | 0.525 | 0.0207 | 0.660 | 0.0260 |
| 100 | 3.94 | 0.551 | 0.0217 | 0.660 | 0.0260 |
| 105 | 4.13 | 0.578 | 0.0228 | N/A | N/A |
| 110 | 4.33 | 0.607 | 0.0239 | N/A | N/A |
| 115 | 4.53 | 0.634 | 0.0250 | N/A | N/A |
| 120 hay lớn hơn | 4.72 | 0.660 | 0.0260 | N/A | N/A |

Chú thích: Dấu sao (*) chỉ ra rằng đường kính của bao gói là quá nhỏ để cho phép in mã vạch theo chiều hình hàng rào, và phải quay mã vạch đi 90° thành chiều hình bậc thang (xem phần 5.4 để in mã vạch vuông góc với các đường sinh ra bề mặt công ten nơ.)

Chú thích: Số in nghiêng chỉ ra các kích thước X có thể chấp nhận nhưng không khuyến nghị đối với bề mặt cong.

Chú thích: Mã vạch EAN8 là dành cho các vật phẩm cực nhỏ (xem phần 2.1).

Hình 6.A.1-4

Mối quan hệ giữa kích thước X và đường kính

| Kích thước X | | Đường kính nhỏ nhất của công ten nơ | | | | | |
|--------------|--------|-------------------------------------|--------|---------------|--------|---------------|--------|
| | | Mã vạch EAN-13 hay UPC-A | | Mã vạch EAN-8 | | Mã vạch UPC-E | |
| mm | inches | mm | inches | mm | inches | mm | inches |
| 0.264 | 0.0104 | 48 | 1.33 | 34 | 1.89 | 26 | 1.01 |
| 0.300 | 0.0118 | 55 | 1.51 | 38 | 2.14 | 29 | 1.51 |
| 0.350 | 0.0138 | 64 | 1.76 | 45 | 2.50 | 34 | 1.53 |
| 0.400 | 0.0157 | 73 | 2.02 | 51 | 2.86 | 39 | 1.54 |
| 0.450 | 0.0177 | 82 | 2.27 | 58 | 3.21 | 44 | 1.73 |
| 0.500 | 0.0197 | 91 | 2.52 | 64 | 3.57 | 49 | 1.92 |
| 0.550 | 0.0217 | 100 | 2.77 | 70 | 3.93 | 54 | 2.11 |
| 0.600 | 0.0236 | 109 | 3.02 | 77 | 4.29 | 59 | 2.31 |
| 0.650 | 0.0256 | 118 | 3.27 | 83 | 4.64 | 63 | 2.50 |
| 0.660 | 0.0260 | 120 | 3.35 | 85 | 4.72 | 64 | 2.54 |